

See discussions, stats, and author profiles for this publication at: <https://www.researchgate.net/publication/339447039>

Chuyên san Dạy và Học – Số 20 – Phản tư

Book · February 2020

DOI: 10.35542/osf.io/u8n57

CITATIONS

0

READS

451

11 authors, including:



Anh-Duc Hoang

EdLab Asia

124 PUBLICATIONS 134 CITATIONS

[SEE PROFILE](#)



Le Thanh Hang

CodeGym Viet Nam

23 PUBLICATIONS 0 CITATIONS

[SEE PROFILE](#)



Duong Phu Viet Anh

30 PUBLICATIONS 1 CITATION

[SEE PROFILE](#)



Chi Linh Nguyen

EdLab Asia

36 PUBLICATIONS 39 CITATIONS

[SEE PROFILE](#)

Some of the authors of this publication are also working on these related projects:



Second Northern Greater Mekong Subregion Transport Network Improvement (RRP REG 41444) [View project](#)



Enhancing Vietnamese educator's capability [View project](#)

Day & học

Số 20 - tháng 02 | 2020

PHẢN TƯ

09

ĐÀN LEN - HOẠT ĐỘNG TUYỆT VỜI CHO
NÃO BỘ

15

LÀM CÁCH NÀO ĐỂ GIÁO DỤC MỘT THẾ HỆ
SAO LĂNG?

19

LỚP HỌC CỦA MỘT GIÁO VIÊN HIỆU QUẢ
TRÔNG NHƯ THẾ NÀO?

24

THIẾT KẾ MÔI TRƯỜNG HỌC TẬP
E-LEARNING TỪ GÓC NHÌN SƯ PHẠM

Học thế nào?

CHÚNG TA HIỂU GÌ VỀ CÁC HOẠT ĐỘNG VUI CHƠI
TRONG KHUÔN KHỔ TRƯỜNG HỌC06

Nguyễn Ngọc Diệp dịch

ĐÀN LEN – HOẠT ĐỘNG TUYỆT VỜI CHO NÃO BỘ09

Trần Phi Dũng dịch

Dạy thế nào?

BẢY CHIẾN LƯỢC GIÚP TẠO ĐỘNG LỰC CHO HỌC SINH
SUỐT NĂM HỌC11

Kim Ngân dịch

LÀM CÁCH NÀO ĐỂ GIÁO DỤC MỘT THẾ HỆ SAO
LĂNG?15

Linh Chi dịch

LỚP HỌC CỦA MỘT GIÁO VIÊN HIỆU QUẢ TRÔNG NHƯ
THẾ NÀO?.....19

Pomona dịch

MỘT SỐ LOẠI BÀI KIỂM TRA TRONG ĐÁNH GIÁ KẾT
QUẢ HỌC TẬP.....22

Tăng Thuỳ tổng hợp

Cải tổ giáo dục

THIẾT KẾ MÔI TRƯỜNG HỌC TẬP E-LEARNING TỪ GÓC
NHÌN SƯ PHẠM.....24

Lê Thanh Hằng lược dịch

CÁC FRAMEWORKS GIÁO DỤC - KỲ 3: KHUNG NESET VỀ
GIÁO DỤC XÃ HỘI VÀ CẢM XÚC28

Đức Hoàng

HỌC TẬP HỢP TÁC NHƯ THẾ NÀO ĐỂ TRỞ THÀNH MỘT
GIÁO VIÊN TỐT HƠN.....30

Ngọc Lan dịch

ĐỂ TRỞ THÀNH MỘT NHÀ LÃNH ĐẠO CÓ TƯ DUY ĐỔI MỚI
.....34

Trần Hương tổng hợp

Từ thực địa

SỐ TAY NÂNG CAO SỨC KHOẺ TINH THẦN TRONG MÙA DỊCH
.....37

Thế lệ gửi bài:

Quý thầy cô, anh chị có nội dung liên quan tới Dạy và Học muốn chia sẻ tới cộng đồng, xin vui lòng gửi về Ban Biên tập Lộn xộn qua email bientap@day-hoc.org

Cuối bài viết, tác giả xin vui lòng giới thiệu vài nét về bản thân: Họ tên, nơi công tác, địa chỉ liên lạc, số điện thoại, các chủ đề nghiên cứu yêu thích...

Do thời gian và nhân sự có hạn, Ban Biên tập xin phép chỉ liên hệ với các bài viết được chọn đăng.

Tinh thần 4.0

Ban Biên tập và quý thầy cô, anh chị gửi bài cộng tác đều chia sẻ tinh thần 4.0, tức là:

- 0 lương
- 0 văn phòng
- 0 chuyên môn cao
- 0 giới hạn không gian - thời gian

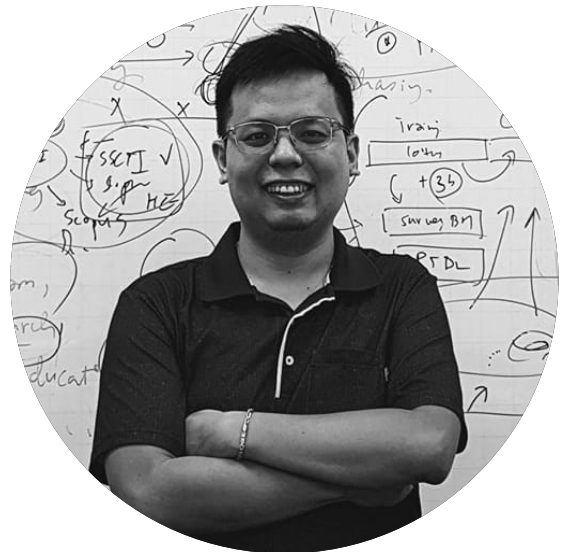
Địa chỉ gửi bài:

Bientap@day-hoc.org

Chia sẻ:

Quý thầy cô, anh chị cảm thấy nội dung Dạy và Học có ích, xin vui lòng chia sẻ tới bất kỳ những ai quan tâm, kèm theo trích dẫn nguyên vẹn và đầy đủ về nguồn gốc bài viết.

Mọi người nói về **Dạy & Học**



“Dạy & Học là ấn phẩm không thể thiếu đối với các nhà trường phổ thông”

- TS Phạm Hiệp, Chuyên gia Giáo dục

Lời tựa

Quý độc giả thân mến,

Dịch viêm phổi cấp do chủng mới của virus corona SAR-CoV-2 đang đem lại nhiều tác động về kinh tế, xã hội và cả giáo dục. Bên cạnh những thiệt hại chưa thể đo lường được chính xác, chúng ta cũng đang đón nhận được nhiều bài học mới, nhất là năng lực ứng phó, hành động cho một tương lai bền vững. Ban Biên tập Lộn xộn xin gửi tới các thầy, cô chuyên san Dạy và Học số 20 với tựa **Phản tư** như một lời mời nhỏ để cùng biến nguy cơ thành cơ hội.

Mở đầu số 20, chuyên mục **Học thế nào** sẽ cùng chúng ta nhìn lại “Các hoạt động vui chơi trong nhà trường”, và một góc nhìn thú vị về “Hoạt động đan len, dưới góc nhìn thần kinh học.”

Trong tình cảnh dịch bệnh, nhiều trường, lớp đã triển khai dạy học trực tuyến. Đó có thể là giải pháp dành cho một số ít hay một số đông, nhưng có lẽ chưa phải giải pháp dành cho tất cả mọi người. Điều đáng lo ngại, chính là việc duy trì được thói quen, thái độ học tập của cả thầy và trò. Chuyên mục **Dạy thế nào** kỳ này xin giúp chút sức bé nhỏ để duy trì và cải thiện các thói quen đó với “7 chiến lược duy trì động lực học tập”, “Làm thế nào để giáo dục thế hệ sao lãng?”, và “Lớp học của một giáo viên hiệu quả sẽ trông ra sao?”.

Cũng trong guồng của cơn sóng khủng hoảng, chuyên mục **Cải tổ** xin giới thiệu “Thiết kế môi trường học tập e-learning từ góc nhìn sư phạm”, “Để trở thành một nhà lãnh đạo có tư duy đổi mới”, và “Học tập hợp tác để trở thành một giáo viên tốt hơn.” Bên cạnh đó, loạt bài viết “Các Frameworks Giáo dục” kỳ này xin giới thiệu bài thứ ba: “Khung NESET về Giáo dục Xã hội và Cảm xúc”.

Khép lại Dạy và Học số 20, một lần nữa, chúng tôi xin gửi tới quý vị “Sổ tay Nâng cao sức khỏe tinh thần trong mùa dịch” với hi vọng sẽ giúp ích được cho quý cô thầy, các bạn học sinh và cả quý vị phụ huynh những thông tin, kiến thức quý báu để nâng cao sức khỏe tinh thần không chỉ trong, mà cả sau mùa dịch.

Xin chúc Quý vị có những khoảng thời gian thú vị.

Trân trọng,

Ban Biên tập Lộn Xộn





CHÚNG TA HIỂU GÌ VỀ CÁC HOẠT ĐỘNG VUI CHƠI TRONG KHUÔN KHỔ TRƯỜNG HỌC

Popatplay¹ | Nguyễn Ngọc Diệp dịch

Việc chơi và vui vẻ khi chơi đã thu hút sự quan tâm chú ý của các nhà giáo dục trên toàn thế giới. Vậy chơi và vui chơi trong trường học là gì?! Khi chúng ta cố gắng hết sức để chuẩn bị cho học sinh hiểu về một thế giới thay đổi liên tục, đầy khó khăn, việc chấp nhận rủi ro, tưởng tượng, phát minh và để học sinh học hỏi từ những lỗi mà việc học thông qua trò chơi là định hướng thiết yếu mà các trường phải thúc đẩy. Dự án Giáo dục qua chơi (Pedagogy of Play - PoP) đưa ra những hướng dẫn và truyền cảm

hứng cho các nhà giáo dục đưa ra câu hỏi: làm thế nào chúng ta có thể mang nhiều trò chơi và niềm hứng khởi trong khi chơi vào lớp và trường học? Chúng tôi đang làm việc trên khung cơ sở để hỗ trợ giáo viên và lãnh đạo nhà trường tạo ra văn hóa học tập thông qua chơi vui vẻ. Chúng tôi đưa ra blog popatplay để chia sẻ sáu yếu tố cốt lõi về học qua chơi trong trường học:

1. Chơi là một tài nguyên cốt lõi cho việc học. Khi chơi, mọi người đều tham gia, thoải mái và vượt qua thử thách, đây chính là các trạng thái tâm trí có lợi cho việc học tập. Thông qua chơi, trẻ em và người lớn có thể thử nghiệm các ý

¹ <https://www.popatplay.org/post/what-we-believe-about-learning-through-play-in-schools>



tường, kiểm tra lại lý thuyết, thử nghiệm các hệ thống ký hiệu, khám phá các mối quan hệ xã hội, chấp nhận rủi ro và tái hiện thế giới. Người chơi phát triển các cơ quan, sự đồng cảm và trí tưởng tượng của mình. Họ học cách đối phó với những điều không chắc chắn. Mặc dù không phải tất cả việc học đều phải vui vẻ, cũng như không phải mọi thời điểm vui chơi đều liên quan đến việc học chính, tuy nhiên, một cái nhìn cận cảnh về chơi và niềm vui khi chơi cho thấy nhiều đặc điểm cảm xúc, xã hội và nhận thức có thể thúc đẩy việc học. Đôi khi những đặc điểm này giúp việc học trở nên vui vẻ và thú vị hơn; lúc thì chúng giúp việc học được tiến hành theo những cách hấp dẫn và mang tính khám phá hơn.

2. Học thông qua chơi trong trường học liên quan đến chơi có mục đích. Trường học là nơi học sinh đến để học các kỹ năng, kiến thức và định hướng quan trọng cần thiết để đóng góp cho cộng đồng. Mặc dù chúng tôi là những người rất ủng hộ cho việc chơi tự do không cần

cấu trúc, hướng đến trẻ em, nhưng một trò chơi mang tính giáo dục trong trường học liên quan đến việc chơi có mục đích, tập hợp các nhà giáo dục vào mục tiêu học tập và học sinh. Cách học tự nhiên thông qua chơi. Học tập vui vẻ đặt ra các mục tiêu, nội dung và hoạt động ngoại khóa để đạt mục đích lớn hơn là giúp người học hiểu, khám phá và định hình thế giới của mình.

3. Những nghịch lý giữa việc chơi và trường học khá phức tạp, mang đến nhiều ý kiến về việc cùng học và chơi. Để có thể vừa chơi vừa học không hề dễ dàng, đơn giản vì mối quan hệ đối nghịch giữa chơi và học. Ví dụ, chơi thì không thể đo đếm thời gian, người chơi sẽ chìm đắm trong trò chơi tùy theo sở thích. Ngược lại, ở trường học phải có thời gian biểu. Chơi có thể hỗn loạn, lộn xộn và ồn ào; trường học cần có trật tự. Khi chơi, trẻ em được tự chủ, còn ở trường, lịch học lại do người lớn phụ trách. Chơi sẽ có thể có rủi ro, trong khi trường hướng đến việc giữ an toàn cho trẻ. Tại sao tồn tại những nghịch lý này? Bởi vì cả hai mặt của những yêu cầu này đều đúng: chúng tôi muốn trẻ khám phá và thử nghiệm và chúng tôi không muốn chúng bị tổn thương. Tạo ra một văn hóa học tập vui vẻ đòi hỏi phải giảng dạy theo định hướng và các cuộc hội thoại diễn ra giữa các giáo viên của trường xóa bỏ những nghịch lý này.

4. Học thông qua chơi là tư duy để việc chơi vui vẻ trở thành một thành phần của các hoạt động. Học thông qua chơi giúp cả học sinh và giáo viên tiếp cận việc học với một tâm thế vui vẻ thoải mái. Ngoài việc tích hợp một trò chơi hoặc hoạt động vào một bài học, nắm lấy một phương pháp giáo dục qua trò chơi có nghĩa là kích hoạt tư duy của người học và giáo viên thoát ra khỏi khuôn mẫu cứng nhắc và coi những trải nghiệm như cơ hội để khám phá, sáng tạo và đưa trí tưởng tượng vào, qua đó tìm thấy sự phấn khích khi giải thích được “điều gì sẽ đến nếu...” trong khi học và chơi. Mặc dù các trò chơi và hoạt

động có thể giúp khuyến khích những tư duy có lợi, học qua chơi đòi hỏi nhiều hơn những hoạt động ngoại khóa độc lập. Vui chơi vui vẻ và có khuynh hướng muốn chơi (đối với học sinh và giáo viên) là các thành phần hoạt động để học thông qua chơi có hiệu quả.

5. Chơi và vui vẻ khi chơi phát triển mạnh hỗ trợ văn hóa trường học. Học tập vui vẻ hiếm khi là một nỗ lực đơn lẻ. Khả năng để học thông qua chơi phát triển mạnh trong văn hóa trường học hỗ trợ cho học sinh và giáo viên. Mặc dù chúng ta có thể thực hiện theo các bước nhỏ khiến việc học tập vui vẻ hơn trong lớp học, nhưng sự thay đổi bền vững phụ thuộc vào việc phát triển văn hóa trường học về niềm tin giữa trẻ em và người lớn. Mặc dù có nhiều xuất phát điểm khác nhau để bắt đầu phát triển văn hóa vừa học vừa chơi, nhưng có một phương pháp giáo dục xem xét lại các mối quan hệ giữa giáo viên và học sinh và đánh giá lại những gì cần có trong học tập. Ngoài ra, văn hóa chơi mà học cho trẻ em cũng cần đi kèm với văn hóa học tập vui vẻ cho người lớn. Ở các trường đang theo văn hóa này, các nhà giáo dục được hỗ trợ để biết chấp nhận rủi ro, thử nghiệm ý tưởng và mày mò cách thực hành. Với cách tiếp cận vui vẻ trong khi thực hành, các nhà giáo dục tham gia vào thử nghiệm một cách có trách nhiệm.

6. Học thông qua chơi được phổ biến và định hình bởi văn hóa. Mọi người trên khắp thế giới chơi và có khả năng học hỏi từ việc chơi. Đồng thời, chơi là một công trình văn hóa. Trẻ em chơi với ai, chơi như thế nào, chơi ở đâu, khi nào và độ tuổi nào nên dừng chơi (nếu có!) được xác định bởi bối cảnh văn hóa. Do đó, hình thức và nội dung của học tập vui vẻ thay đổi tùy theo bối cảnh.

Đây bài viết đầu tiên của chúng tôi. Nếu bạn tò mò muốn tìm hiểu thêm về những ý tưởng này, hãy ở lại với chúng tôi! Trong các bài viết trong tương lai, nhóm Giáo dục qua chơi PoP sẽ đi sâu hơn tìm hiểu về các yếu tố trên. Chúng tôi sẽ chia sẻ các tình huống thực tế góp phần tạo ra và nuôi dưỡng văn hóa học tập vui vẻ cùng với các ví dụ về học tập vui vẻ ở trường. Các blogger sẽ chia sẻ quan điểm của họ về việc học thông qua chơi. Chúng tôi mời bạn chia sẻ suy nghĩ của bạn về điều này và các bài đăng trong tương lai - để cùng tham gia với chúng tôi và xây dựng hiểu biết về cách học tập qua chơi, phát triển trong trường học.



ĐAN LEN – HOẠT ĐỘNG TUYỆT VỜI CHO NÃO BỘ

Sarh McKay¹ | Trần Phi Dũng² dịch

Đan len: bạn hãy hình dung...mũi lên, mũi xuống, rồi lại mũi lên, mũi xuống. Khi bạn có mặt hoàn toàn, không phải là sự tập trung cao độ của đầu óc, chỉ đơn giản có mặt và tận hưởng những mũi lên, mũi xuống, tận hưởng sự lặp lại đều đặn, nhịp nhàng vốn có tác dụng xoa dịu, chữa lành và rửa sạch những bụi bặm trong tâm trí con người. Đó chính là thiền. Hay ngành thần kinh học gọi đó là “phương pháp yoga mới”.

Trong một khảo sát trên mạng dành cho hơn 3545 người đan len được thực hiện bởi Betsan Corkhill – một chuyên gia trị liệu người Anh sử dụng phương pháp đan len, người đã từng thực hiện nhiều nghiên cứu liên quan tới hiệu quả trị liệu của công việc thủ công này – hơn một nửa số người tham gia khảo sát đều đồng ý rằng việc ngồi đan len khiến họ cảm thấy “rất hạnh phúc”. Nhiều người còn nói rằng họ đan chỉ vì muốn được thư giãn, giảm căng thẳng và đồng thời rèn tính sáng tạo.

Nghiên cứu này còn phát hiện, người nào đan

len càng nhiều thì tâm trạng của họ càng tích cực, ai đan len thường xuyên (hơn 3 lần trong 1 tuần) thì tinh thần ổn định, hạnh phúc, giảm lo âu và đặc biệt là tự tin hơn rất nhiều.

Nghiên cứu của Corkhill kết luận, “Đan len có những lợi ích to lớn về mặt tâm lý học lẫn giao tiếp xã hội, và công việc này sẽ góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống của con người”

Nghiên cứu cũng chỉ ra một điều thú vị là đan len cùng nhau hạnh phúc hơn nhiều so với đan len một mình. Những câu lạc bộ đan len như Knit-ins, Stitch ‘n bitch, và nhiều sự kiện đan len khác nhau đóng một vai trò hết sức quan trọng trong các tiến trình chữa lành tâm trí.

Dưới đây là 10 lợi ích về tinh thần mà việc đan len hoặc làm thủ công chung với nhau mang lại:

1. **Kích thích sự hoạt động của thần kinh và phát triển kỹ năng giải quyết vấn đề**
2. **Kết nối mọi người lại với nhau.**
3. **Giúp bạn chánh niệm hơn trong đời sống**
4. **Rèn luyện sự phối hợp nhịp nhàng giữa tay và mắt, nhận thức không gian xung quanh và cải**

1 Tiến sĩ Đại học Oxford

2 Giáo viên Trường Lá



thiền sự linh hoạt của bạn

5. ***Dạy và học tốt hơn.***
6. ***Tăng khả năng tập trung***
7. ***Thúc đẩy sự sáng tạo***
8. ***Mang lại cảm giác mãn nguyện khi tạo ra một sản phẩm gì đó***
9. ***Rèn tính kiên nhẫn và kiên trì***
10. ***Hỗ trợ hồi phục trí nhớ và phát triển não bộ***

Theo bài báo nghiên cứu này, “Các kỹ năng và cảm xúc có được khi làm công việc đan móc đều có thể sử dụng để hỗ trợ cho việc học các kỹ năng như thiền định và thư giãn trong các khóa trị liệu trầm cảm hoặc quản lý nỗi đau.”

“Sử dụng đan len để đạt trạng thái tĩnh tâm sẽ làm trải nghiệm hành thiền phong phú hơn và đạt được nhiều lợi ích, bởi vì việc đan len không yêu cầu người làm phải cố gắng hiểu, chấp nhận hay tương tác trong khoảng thời gian thực hành dài. Việc này diễn ra một cách tự nhiên trong khi đan móc.”

Một số người còn so sánh làm thủ công giống như việc bạn nhập vào trạng thái “flow”, đây là thuật ngữ được định nghĩa bởi nhà tâm lý học Mihály Csíkszentmihályi – là “trạng thái tập trung cao độ vào hoạt động đang thực hiện trong thời điểm hiện tại. Đó là lúc người ta hoàn toàn bị nhập tâm và không quan tâm đến chuyện gì khác nữa.”

Và, theo Corkhill, thậm chí Albert Einstein còn được nghe nói là đã từng phải làm công việc đan len trong khi nghiên cứu “để tĩnh tâm và thư giãn đầu óc”

Các nhà thần kinh học đang dần dần hiểu được cách mà sự chánh niệm, việc thiền định và trạng thái “flow” ảnh hưởng đến não bộ. Nghiên cứu về các chủ đề này khẳng định chúng có thể chữa được trầm cảm, lo âu, cải thiện cuộc sống cũng như giảm stress hiệu quả. Và tất cả điều ấy đều rất quan trọng trong việc giữ gìn một tinh thần bình an.



BÀY CHIẾN LƯỢC GIÚP TẠO ĐỘNG LỰC CHO HỌC SINH SUỐT NĂM HỌC

Kendal Rolley¹ | Kim Ngân dịch

Đầu năm học mới, khi quan sát xung quanh lớp Ngôn ngữ Anh khối 7 của mình, tôi đã để ý thấy khá nhiều phản ứng mà chúng ta, với tư cách là giáo viên, đã quá quen thuộc. Một số học sinh thể hiện rõ sự háo hức và mong muốn bắt đầu một năm học mới một cách tích cực sau khi quay trở lại sau kỳ nghỉ. Một số khác lại ít tự tin hơn, và khá là chắc chắn đã trải qua thời gian cuối kỳ nghỉ hè với sự sợ hãi, lo lắng.

Xuyên suốt năm học, tôi biết rằng luôn có một số

¹ Kendal Rolley là điều phối viên chương trình Tiếng Anh cho trường phổ thông song ngữ tại Hà Nội, Việt Nam. Ông đã thực hiện các nghiên cứu về chính sách ngoại ngữ và động lực học ngoại ngữ, cũng như hỗ trợ các chuyên gia trong lĩnh vực TEFL phát triển các hoạt động trong lớp học.

học sinh sẽ dần dần mất đi động lực học tập của mình. Tôi hiểu rằng khi các em nhận được điểm số không khả quan lắm, các em sẽ bị nhụt chí. Bên cạnh đó, một vài em khác sẽ yên lặng mà tự quyết định rằng bài này hoặc môn này là quá khó, hoặc không đáng để các em bỏ công sức, hoặc nhìn chung, các em thiếu hụt các kỹ năng cơ bản để theo kịp. Là một giáo viên, tôi muốn ngăn chặn những suy nghĩ đó thật sớm. Tuy nhiên, tôi cũng chú ý rằng học sinh thường sẽ không thể nhìn ra được sự phát triển của chính mình theo cách mà một giáo viên như tôi có thể thấy. Thông thường, các em sẽ có những quan điểm không thực tế lắm về việc mình nên tiến bộ như thế nào.

Để giúp học sinh có thể nhìn thấy những gì tôi

quan sát được, tôi bắt đầu trò chuyện với từng học sinh một trong suốt năm học. Sử dụng nghiên cứu từ giáo sư Zoltan Dörnyei, chuyên gia nghiên cứu về động lực trong việc học ngôn ngữ thứ hai, tôi đã phát triển một số chiến lược thực tế về tạo động lực để có thể giúp học sinh thể hiện bản thân mình trong việc học và môi trường học tập.

1. Môi trường lớp học:

Mọi người sẽ rất dễ ngó lơ một bước quan trọng nhất trong quá trình dạy học: xây dựng văn hóa lớp học tích cực. Khi tôi dành thời gian để thiết lập một nền tảng học tập tích cực và chắc chắn, tôi khám phá ra rằng đây bước có tác dụng “bôi trơn” cho các bước can thiệp sau đó.

Khi các quy tắc trong lớp học được đưa ra thảo luận với học sinh, các em sẽ cảm thấy có quyền được làm chủ lớn hơn và có sự ràng buộc trách nhiệm với các quy tắc đó. Thông thường, các buổi “xây dựng nội quy” vào đầu năm học sẽ tạo ra các bộ các quy tắc khá giống nhau (và có hiệu quả). Một bộ nội quy lớp học thường sẽ như ví dụ dưới đây:

- Chúng ta nên lắng nghe khi có người đang nói.
- Chúng ta không được gây tổn thương cho người khác, cả về mặt ngôn từ và thể chất.
- Chúng ta nên tôn trọng ý kiến và giá trị của người khác.
- Chúng ta không được lấy việc học của bạn khác ra làm trò đùa. Mắc lỗi là việc rất bình thường.
- Chúng ta nên giúp đỡ lẫn nhau.

Việc học sinh tự đàm phán về các hậu quả nếu vi phạm nội quy, hoặc các cách để đảm bảo sẽ tuân theo nội quy trong suốt năm học, cũng có thể giúp hỗ trợ cho một môi trường học tập tích cực và gắn kết. Học sinh có xu hướng đạt được các kỳ vọng và tương tác chủ động tích cực hơn với các bạn khác nếu các em cùng được thống

nhất về nội quy và hậu quả.

Tôi cũng đã đạt được thành công trong việc cho phép học sinh xây dựng các quy tắc thật thực tế cho tôi ở tư cách là giáo viên, ví dụ như “luôn sẵn sàng giúp đỡ”, hay “Hãy đảm bảo rằng tất cả bài kiểm tra đều công bằng”.

Người giáo viên cũng có trách nhiệm và nhạy bén trong việc sử dụng các phương pháp dạy học để tăng sự hứng thú học tập cho học sinh. Tôi cố gắng cải thiện điều đó bằng cách thường xuyên thay đổi phong cách và tài liệu dạy học, sáng tạo ra nội dung và các hoạt động thú vị nhưng có tính liên hệ với người học, thể hiện sự nhiệt tình với môn học tôi dạy, đồng thời sẵn sàng trợ giúp các em học sinh khi cần thiết.

2. Các kế hoạch xây dựng sự cam kết

Có một số cách thức tôi sử dụng để giúp học sinh duy trì (và có khả năng tăng lên nữa) các cam kết về mục tiêu mà các em đã đặt ra cho bản thân mình.

Bước đầu tiên đó là giúp học sinh tìm ra được các mục tiêu phù hợp. Bước này sẽ có hiệu quả tốt nhất nếu các em học sinh xây dựng mục tiêu dựa trên các nguyên tắc S.M.A.R.T (viết tắt của các từ: Specific - Cụ thể, Measurable - Có thể đo nghiệm được, Achievable - Có thể đạt được, Realistic - Thực tế và Time-Specific - Có lộ trình thời gian cụ thể). Sau đó, các em học sinh sẽ lập Nhật ký học tập để lưu lại mục tiêu và tiến trình học tập của mình. Một câu hỏi rất tốt dùng để gợi mở đó là: “Tuần này con đã học được những gì?”

Thứ hai, tôi gửi ý kiến nhận xét ngắn gọn dưới hình thức văn bản viết theo lịch cố định. Tôi khuyến khích các bạn học sinh có sự phản hồi chủ động về quá trình học tập của bản thân, và không nên bàn tán về điểm số vì điểm số sẽ chỉ ngăn cản bản thân các em dừng lại ở những tiêu

chuẩn của chính mình.

Thứ ba, tôi cố gắng tổ chức các buổi nhận xét phản hồi trực tiếp vài lần một năm. Khoảng thời gian thuận lợi cho việc này thường là trước buổi họp phụ huynh. Các buổi gặp trực tiếp 1-1 với học sinh chính là cơ hội để thu được những thông tin tự đánh giá bản thân và các ý kiến thảo luận tích cực về sự phát triển của học sinh sau một khoảng thời gian tương đối dài.

3. Chiến thuật siêu nhận thức

Tại một vài thời điểm trong năm học, các bạn học sinh sẽ dễ dàng bị phân tán tư tưởng và rơi vào tình trạng trì trệ - trì hoãn. Tuy nhiên, không phải em nào cũng nhận thức được rằng mình đang rơi ra khỏi quỹ đạo học tập nên có. Nhằm giúp các em học sinh nhận ra được điều này, hãy đề nghị các em ghi chú lại những thứ gây cản trở cho việc học của mình, bao gồm cả các tác động bên trong và bên ngoài lớp học. Những thông tin này có thể được ghi lại trong Nhật ký học tập của các em. Có thể các em không làm bài tập về nhà vì xem chương trình TV mình thích hoặc do mãi mê dùng các mạng xã hội. Hãy cùng thảo luận những sự lựa chọn ẩn trong những sự xao nhãng đó, và tập trung vào các giải pháp tích cực và thực tế, ví dụ như có thể xem show sau khi hoàn thành xong bài tập và xem đó như là phần thưởng cho việc mình đã hoàn thành.

Hãy sử dụng các dẫn chứng từ học sinh trong các buổi nhận xét trong suốt năm học mà ở các buổi đó, học sinh có thể chia sẻ các phương thức mà các em đã tự tìm ra được để chiến đấu chống lại sự xao nhãng. Học sinh thường có thiện ý đón nhận các lời khuyên từ bạn bè hơn là từ người lớn.

4. Phương pháp thúc đẩy sự hứng thú của học sinh

Học sinh thường thích thú với bài tập ở trường nếu các bài tập đó thú vị với các em. Trao cho học sinh các sự lựa chọn là một hình thức xây dựng sự quan tâm khá phổ biến, và cùng với đó là việc lựa chọn các tài liệu học tập có chất

lượng và sự liên hệ thực tế.

Giáo viên cũng có thể cho phép học sinh thảo luận những chi tiết trong bài tập mà các em thấy hứng thú mà vẫn đồng thời theo được kết quả cần đạt của bài học.

Mặc dù vậy, không phải mục tiêu học tập nào cũng sẽ tự thu hút học sinh, và đây là một sự thật xứng đáng được ghi nhận một cách cởi mở. Hãy yêu cầu học sinh phản hồi lại vào Nhật ký học tập về những bài tập hay nhiệm vụ mà các em thấy không hứng thú. Điều này sẽ giúp các em xác định được lý do và để xử sự theo cách tích cực hơn. Các nội dung trong Nhật ký học tập là nguồn phản hồi tuyệt vời cho giáo viên về việc sáng tạo ra những nội dung bài học lôi kéo được học sinh hơn nữa.

5. Chiến lược xử lý những cảm xúc tiêu cực

Vào đầu năm học, tôi sẽ bàn luận với học sinh về việc những cảm xúc và tâm trạng khác nhau có thể hỗ trợ hay gây ảnh hưởng thế nào đến việc học tập. Tôi nhận ra rằng các em học sinh thường không ý thức được tâm trạng cảm xúc có ảnh hưởng lớn thế nào đến việc học. Sau đó, tôi đề nghị các em học sinh sáng tạo ra một “Câu thần chú” tích cực để các em có thể nghĩ đến bất cứ khi nào cảm thấy mất động lực hoặc lo lắng và sợ hãi.

Giáo viên cũng có thể làm mẫu và hướng dẫn các em học sinh nhìn lại tâm trạng của mình khi đánh giá bản thân đã tiến bộ và cố gắng đạt được mục tiêu của mình như thế nào, rồi ghi chú lại sự quan sát đó vào Nhật ký học tập. Hãy cùng lấy ví dụ: một học sinh có thể viết: “Tuần này, mình đã không được nhiều từ mới. Mình cảm thấy thật khó chịu và không thể tập trung.” Một khi giáo viên hiểu ra được đời sống tinh thần của học sinh diễn biến thế nào thì việc đưa ra các lời khuyên mang tính định hướng về phương pháp học tập sẽ dễ dàng hơn, thậm chí cả khi em học sinh đó đang trong trạng thái tâm lý cực kỳ tồi tệ.

6. Chiến lược xây dựng môi trường học

tập tích cực

Hãy đề nghị học sinh trả lời các câu hỏi sau: Em hợp tác tốt với bạn nào? Không hợp tác tốt được với bạn nào? Tại sao? Các câu hỏi này giúp các em học sinh đánh giá được khả năng giao tiếp xã hội của mình trong môi trường lớp học. Kết quả thu được có thể là câu trả lời như: “Harriet là một người bạn tốt, nhưng khi được xếp vào cùng nhóm học thì chúng em lại chỉ buồn chuyện về Riverdale chứ không làm việc được mấy.” Giáo viên có thể dùng thông tin này để xếp các nhóm học tập đảm bảo sự hợp tác hiệu quả cùng hướng đến những mục tiêu chung.

Việc tạo ra môi trường học tập tích cực - nơi mà học sinh được thoải mái thể hiện bản thân, mắc lỗi và tự soi chiếu bản thân hiệu quả - sẽ khiến cho môi trường đó thành nơi học tập đạt được kết quả tốt nhất.

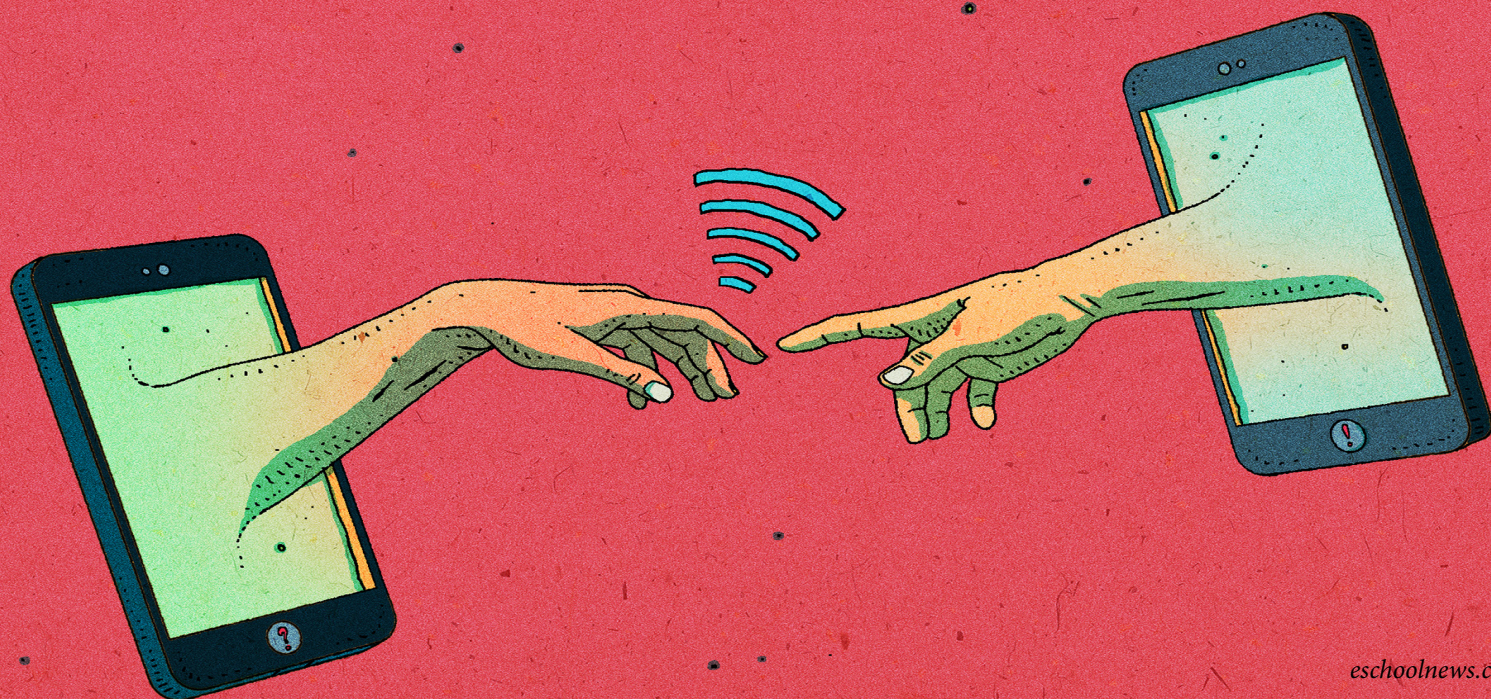
7. Hình dung và hướng đến tương lai

Theo Dörnyei, động lực học tập phần nào được gây dựng nhờ vào hai phiên bản tiềm năng của bản thân trong tương lai, đó là: bản thân lý tưởng trong tương lai, và con người mà mình cảm thấy mình nên trở thành. Việc đề nghị học sinh hình dung ra chi tiết nhất có thể, và thảo luận chúng (con người lý tưởng của em là gì? Ở mức đơn giản nhất, em thấy bản thân mình trong tương lai nên như thế nào?) có thể rất hữu ích trong việc đưa những thông tin nền này ra ánh sáng. Cùng thảo luận những bản ngã này cũng có thể là một hoạt động hay ho để bắt đầu năm học mới và học sinh có thể đưa ra những thông tin thật cụ thể về việc bản thân mình trong tương

lai sẽ ăn gì (VD: bản thân lý tưởng của em sẽ ăn nhiều rau hơn), sẽ ở đâu, và giải trí như thế nào. Nhìn lại những bản ngã này trong suốt năm học sẽ hỗ trợ học sinh trong việc theo dõi sự tiến bộ của bản thân, và trong việc chia nhỏ những mục tiêu động lực dài hạn thành những mục tiêu ngắn hạn hơn. Điều này đặc biệt quan trọng cho học sinh nhỏ tuổi vì các em sẽ thường gặp khó hơn trong việc hình dung ra cuộc sống trong tương lai.

Và trong quá trình nhìn nhận lại bản thân trong tương lai, cũng rất quan trọng khi đem đến cho học sinh khả năng suy nghĩ về việc các em có thể làm gì nếu các em không đạt được những tiêu chuẩn trên hành trình trở thành con người các em muốn hoặc nên làm. Luôn nhấn mạnh suy nghĩ rằng không bao giờ là quá muộn để quay lại và cố gắng có thể giúp học sinh giảm thiểu cảm giác rằng các em đã đặt ra những mục tiêu quá sức với bản thân mình.

Đồng ý rằng việc tiếp cận từng học sinh một với tất cả phương pháp kể trên có thể khá khó khăn, thì tất cả những gì chúng ta với tư cách là những người làm giáo dục có thể làm là không ngừng cố gắng. Tất cả những chiến lược trên nhằm giúp học sinh phát triển khả năng tự nhận thức và phản hồi một cách có suy nghĩ về trải nghiệm học tập của mình. Các phương pháp như vậy thường giúp học sinh tiến bộ và phát triển hơn, hướng đến mục đích trở thành con người học tập suốt đời.



LÀM CÁCH NÀO ĐỂ GIÁO DỤC MỘT THẾ HỆ SAO LĂNG?

¹Nicholas Mancall-Bitel | Linh Chi dịch *Bây giờ thì xin hãy chú ý.*

Học sinh ngày nay đang mắc phải một vấn đề, và nó không liên quan tới những gì được viết trên bảng: chúng đã trở nên quá quen với việc tiếp nhận liên tục các kích thích từ các ứng dụng điện thoại và các nền tảng trực tuyến khiến cho chúng không thể tập trung nổi trong lớp học.

Thế hệ Z (10-24 tuổi) và Alpha (0-9 tuổi) được sinh ra trong một thế giới nơi mà các thuật toán khiến chúng không ngừng click, kéo và lướt với một tốc độ điên cuồng. Giáo viên hiện nay do đó cũng mắc phải một vấn đề: đó là làm cách nào để thích nghi khung chương trình truyền thống sao cho phù hợp với những học sinh lớn lên trong thế giới công nghệ này và liệu có gì phải đánh đổi không khi ta tích hợp điều đó với giáo dục truyền thống?

Sự phát triển não bộ đầu đời là một chủ đề phức tạp, nhưng trong suốt mấy năm vừa qua, các nhà khoa học trên toàn thế giới đã bắt đầu đặt ra các nỗi lo về sự ảnh hưởng của điện thoại thông minh và truyền thông đa nhiệm tới khả năng tập trung. “Có một lượng các bằng chứng đang gia tăng – mặc dù chưa được xác thực hoàn toàn và vẫn có thể bị phản biện lại – nhưng cũng khá rõ ràng về việc công nghệ, mạng xã hội, và sự truy cập dễ dàng vào internet và điện thoại thông minh đang làm hại tới khả năng tập trung của trẻ em”, GS Jim Taylor, tác giả của cuốn ‘Raising Generation Tech’ chia sẻ. “Chúng ta đang làm thay đổi một cách nền tảng cách thức trẻ tư duy và cách thức mà não bộ của chúng phát triển.”

Các giáo viên cũng chú ý tới điều này. “Đó là một vấn đề! Thời lượng chú ý trung bình của học sinh hiện giờ chỉ vào khoảng 28s”, Lau-

ra Schad, giáo viên lớp 7 và 8 ở Philadelphia, Pennsylvania nói. Cô ấy cho rằng trong khi điện thoại thông minh rõ ràng là có gây ảnh hưởng đến não bộ đang phát triển của học sinh, thì lại đang thiếu các đào tạo (cho giáo viên) về việc làm cách nào để ứng phó với vấn đề đó. Câu hỏi làm cách nào để giáo dục có thể tiến hoá cho phù hợp với những học sinh sinh ra trong thời kỳ kỹ thuật số chưa được giải quyết khi cô đủ tiêu chuẩn hành nghề vào năm 2015.

Ảnh hưởng của công nghệ biểu hiện rõ nhất trong tác vụ truyền thống nhất của trường học: việc đọc, đặc biệt là khi bọn trẻ chuyển từ các phương tiện truyền thông nền tảng văn bản sang các ứng dụng nặng về hình ảnh như Instagram và Snapchat.

“Học sinh hiện giờ dường như nhận thấy việc đọc các văn bản dài hay phức tạp mà không có các quãng nghỉ là cực kỳ mệt mỏi. Trước đây, học sinh có vẻ quen hơn với việc chú ý vào một văn bản trong một khoảng thời gian dài”, Erica Swift, giáo viên lớp 6 trường tiểu học Herman Leimbach ở Sacramento, California – một nơi không xa với Thung lũng Silicon – chia sẻ. “Bạn có thể nhận thấy sự thiếu kiên nhẫn ở các học sinh khi chúng yêu cầu có các khoảng nghỉ, nói chuyện với nhau thay vì làm việc, và một số thậm chí đã từ bỏ luôn trước các nhiệm vụ yêu cầu đọc dài hơn”. Việc chuyển văn bản vào các thiết bị công nghệ không giúp ích gì, chứng tỏ rằng vấn đề không chỉ nằm ở xu hướng ưa thích màn hình hơn bản in.

Taylor giải thích rằng chú ý không chỉ là một giá trị, mà còn hoạt động như một cánh cửa dẫn tới các dạng thức cao hơn của học tập – đặc biệt là trí nhớ - giúp đi vào một sự hiểu sâu hơn. “Không có khả năng tập trung vào một cái gì đó, lũ trẻ sẽ không thể xử lý được thông tin. Chúng sẽ không thể đưa chúng vào trí nhớ, tức là sẽ không thể lý giải, phân tích, đồng bộ, phản biện

và đưa ra quyết định về thông tin được”.

Lớp học tương lai

Khi học sinh dường như không thể chú ý tới các bài giảng dài, nhiều giáo viên đơn giản là chia bài giảng thành các khối nhỏ hơn. Gail Desler, chuyên gia tích hợp công nghệ cho các trường quận Elk Grove chia sẻ: “Một chủ đề phổ biến thường được bàn luận giữa các giáo viên đó là: ngắn sẽ tốt hơn”.

Desler cũng chỉ ra những giáo viên bắt đầu lớp học bằng các bài tập chánh niệm hay thực hành thiền khi học sinh cần tập trung. Một giáo viên THPT ở Salinas, California thì sử dụng một ứng dụng tên là “Calm” để giúp học sinh thiền. Tuy vậy một nghiên cứu năm 2013 đã chỉ ra rằng, các dạng “giờ nghỉ cho công nghệ” (tech breaks) có thể giúp chống lại sự mong muốn đa tác vụ, tức là việc có giờ nghỉ cho phép học sinh sử dụng công nghệ sẽ làm học sinh bớt bị cuốn vào việc vừa học vừa xem các thiết bị công nghệ hơn.

Một số giáo viên cũng lựa chọn việc “gấp gở” học sinh ở các nơi chúng hay sử dụng như các nền tảng YouTube hay Instagram. Ví dụ, một giáo viên đã ghi hình lại việc mình thực hiện các thí nghiệm khoa học rồi đăng tải lên YouTube, sử dụng video đó thay cho các minh họa trong sách giáo khoa. Tương tự, có những giáo viên theo dõi việc học sinh thực hiện các nhiệm vụ thông qua Instagram, nhắc nhở chúng về bài tập về nhà hay chuyển đi thực tế sắp tới.

Những nền tảng này đặc biệt giúp gia tăng sự chú ý khi chúng phản ánh những hứng thú của học sinh. Desler khen ngợi những giáo viên làm những việc như liên kết lịch sử tuyên truyền của Đức quốc xã với bắt nạt online. “Đó là việc pha trộn những thông tin liên quan vào các khung bài giảng có sẵn theo cách thức mà học sinh nhìn

nhận. Nếu bạn kết nối bài học với những việc đang xảy ra trong hiện tại, kiến thức sẽ bước vào thế giới của chúng và thu hút chúng.”

Trong khi đó, cũng có các nền tảng chuyên biệt dành cho việc học tập có thể kể đến như Flip-grid, cho phép học sinh chia sẻ các video chứng thuyết trình, giúp giáo viên tương tác với học sinh ở nơi quen thuộc của chúng. Một nghiên cứu năm 2018² từ Pearson đã chỉ ra rằng các học sinh thế hệ Z thường tránh sách giấy, ưa thích việc sử dụng video như một nguồn thông tin chỉ sau nguồn thông tin trực tiếp từ giáo viên. Bằng việc gặp gỡ học sinh ở những nền tảng mà chúng đã sẵn tương tác và kết nối, giáo viên có thể giúp việc thu hút sự chú ý trở nên dễ dàng hơn. Một số nơi đã chuẩn hoá việc sử dụng các nền tảng công nghệ như Google Classroom, cho phép học sinh và giáo viên theo dõi điểm số và các bài tập sắp tới, theo dõi quá trình học tập để giúp giáo viên hiểu rõ hơn học sinh đang bị chậm ở phần nào.

Công nghệ còn có thể giúp giảm các thiệt hại tới việc đọc. Schad chia sẻ rằng các giáo viên ở trường cô sử dụng máy tính để nhận biết những học sinh đang gặp khó khăn. Trường của cô sử dụng một nền tảng hỗ trợ việc đọc, tên là Lexia, sử dụng cơ chế “trò chơi điện tử hoá” (gamification), tức là sử dụng các cơ chế giống trò chơi điện tử để thúc đẩy sự tham gia của học sinh. Chương trình này cũng giúp tự động phân chia các học sinh dựa trên biểu hiện của chúng, chuyển các học sinh thành công tới các nhiệm vụ offline nâng cao hơn trong khi duy trì các học sinh còn đang gặp khó khăn tương tác với nền tảng này cho tới khi chúng có thể nội hoá được hoàn toàn bài học. Hướng tiếp cận này giúp làm cầu nối cho những khoảng cách giữa các học sinh mà vốn xuất hiện do sự ảnh hưởng nhiều cấp độ từ công nghệ.

2 Jones, P. (2018). *Beyond Millennials: The Next Generation of Learners*.

Học tập hỗn hợp (blended learning)

Trong khi nhiều nhà giáo dục đang tập trung vào việc nâng cao công nghệ trong lớp học, nhiều nghiên cứu lại chỉ ra rằng các lớp học truyền thống có thể thành công hơn. Nghiên cứu năm 2015 của Trường kinh tế và Khoa học chính trị London³ cho thấy rằng điểm GCSE được cải thiện khi các trường như Birmingham, London, Leicester, và Manchester cấm sử dụng điện thoại trong lớp học. Giáo sư khoa học thần kinh William Klemm, tác giả cuốn “The learning skills cycle”, đã nêu ra một nghiên cứu vào năm 2014⁴ cho thấy việc ghi chép bằng tay sẽ giúp học sinh ghi nhớ thông tin tốt hơn là sử dụng laptop.

Klemm cũng chỉ ra những nguy hại của việc chia bài học thành các khối nhỏ, rằng việc chuyển qua lại giữa các bài học ngắn một cách nhanh chóng có thể khiến học sinh không hiểu bài học một cách sâu và toàn diện được. Ông nói rằng học sinh cần có thời gian để kết nối với một chủ đề khi giáo viên giới thiệu chúng trước khi chuyển sang phần khác.

Nhiều nhà giáo dục đi theo hướng áp dụng công nghệ cũng nhận thấy nhiều giá trị trong các phương pháp dạy học truyền thống và gợi ý một tiếp cận “học tập hỗn hợp”. Mặc dù phải thừa nhận rằng công nghệ có thể cung cấp nhiều kỹ năng giá trị, họ vẫn tin rằng các bài giảng trực tiếp vẫn có chỗ đứng của chúng.

Các nhà giáo dục đi theo tiếp cận nào cũng đồng ý rằng vị trí của người giáo viên là bất khả xâm phạm. Elizabeth Hoover là trưởng phòng công nghệ của các trường công lập ở thành

3 Beland, L. P., & Murphy, R. (2016). Ill communication: technology, distraction & student performance. *Labour Economics*, 41, 61-76.

4 Mueller, P. A., & Oppenheimer, D. M. (2014). The pen is mightier than the keyboard: Advantages of longhand over laptop note taking. *Psychological science*, 25(6), 1159-1168.

phố Alexandria, Virginia - và mặc dù công việc của cô là giúp nâng cao việc dạy và học ở các trường thông qua việc sử dụng công nghệ - vẫn nói rằng mình sẽ không bao giờ thay thế các chỉ dẫn trực tiếp của giáo viên.

“Tương tác trực tiếp với giáo viên vẫn là yếu tố quan trọng nhất trong lớp học”, Elizabeth chia sẻ, “chúng ta sử dụng công nghệ chỉ khi nó giúp nâng cao bài học theo những cách thức mà việc học trực tiếp không thể làm được.”

Schad cũng chỉ ra rằng nhiều giáo viên phụ thuộc vào công nghệ chỉ bởi vì họ không có đủ các nguồn lực offline. Ví dụ, các chương trình như Lexia sẽ không cần thiết nếu như nhà trường cung cấp thêm kinh phí để thuê thêm trợ giảng, những người có thể giúp phụ trợ nhiều việc khác cho giáo viên để họ có thể tập trung hơn vào việc giúp đỡ các học sinh đang gặp khó khăn.

Sophia Date, một giáo viên ở Philadelphia, người dạy khoa học xã hội lớp 12, cũng đưa ra những băn khoăn của cô về việc thúc đẩy kinh phí cho công nghệ hơn là cho giáo viên. “Có một sự thúc đẩy lớn cho việc áp dụng công nghệ trong lớp học, nhưng tôi nghĩ rằng đôi khi việc này lại được thực hiện vào những lúc có những đổi mới lớn hơn và cần thiết hơn. Các tổ chức hỗ trợ kinh phí sẽ rất sẵn sàng đóng góp tiền cho một bộ các máy tính bảng hay laptop, nhưng lại không sẵn sàng để tăng lương cho giáo viên mỗi năm”, Sophia chia sẻ.

Học cách tư duy

Trong khi công nghệ làm suy yếu một số khía cạnh của giáo dục, thì nó cũng mang lại các lợi ích cho học sinh theo một cách không đoán trước được. “Có quan điểm cho rằng người trẻ hiện nay đã trở nên thờ ơ, lười biếng và mất tập trung hơn một chút do ảnh hưởng bởi công

nghệ. Chúng ta thực sự đang đánh giá thấp vai trò của công nghệ trong việc học tập của chúng ta và quyền lực mà nó (công nghệ) mang tới cho chúng trong việc lựa chọn cách học tập.”

Ví dụ, những học sinh không đủ kiên nhẫn để đợi giáo viên giải quyết các câu hỏi của mình sẽ sẵn sàng tự đi tìm kiếm câu trả lời. Chúng có thể lên YouTube để tìm cách giải một bài toán trước khi đến hỏi giáo viên hay tìm sách giáo khoa.

Taylor chỉ ra rằng, khi mà thông tin đã trở nên phổ biến và dễ truy cập, sự thành công không còn nằm ở việc biết nhiều nhất. Thay vào đó, khả năng tư duy phản biện và sáng tạo (mĩa mai thay lại là những kỹ năng mà truyền thông kỹ thuật số đã làm suy yếu khi làm giảm khả năng tập trung) mới là những kỹ năng quan trọng nhất.

“Nếu bạn nghĩ tới Zuckerbergs, Gates và Sandbergs và những người thành công trong lĩnh vực công nghệ, họ không thành công vì họ có thể lập trình, họ thành công vì họ biết cách tư duy”, Taylor nói.

Những đứa trẻ sinh ra và lớn lên trong thời kỳ kỹ thuật số sẽ không ngừng thích ứng thêm các phương tiện truyền thông mới. Giáo viên không còn lựa chọn nào khác ngoài việc cũng phải phát triển theo, không chỉ để đảm bảo cho các học sinh của mình có thể tận dụng được lợi thế của các công nghệ mới, mà còn để giúp chúng trưởng thành trong một thế giới đang liên tục cố gắng gây xao nhãng.



Annette Breaux và Todd Whitaker
Pomona dịch

Trong những quan sát liên tục của mình, chúng tôi vẫn luôn thấy rằng những lớp học của các giáo viên hiệu quả nhất đều trông giống nhau một cách kỳ lạ. Và tất nhiên là có sự tương tự ở các giáo viên kém hiệu quả hơn, lớp học của họ trông giống nhau đến khó tin.

Dường như dù chúng tôi có đi tới nơi nào đi chăng nữa, thì các em học sinh đều cư xử như nhau trong lớp học của các giáo viên hiệu quả nhất. Và, vâng, bất kể nơi nào chúng tôi đến, học sinh trong lớp của các giáo viên kém hiệu quả cũng hành động giống nhau. Chúng tôi tất nhiên là đang nói theo cách chung chung. Trước tiên, hãy cùng nhìn vào bên trong lớp học của những giáo viên kém hiệu quả hơn.

LỚP HỌC CỦA MỘT GIÁO VIÊN HIỆU QUẢ TRÔNG NHƯ THẾ NÀO?

1 Nguồn: <https://www.middleweb.com/16325/effective-teachers-classroom-looks-like/>



Và đây là những điểm chung mà họ dường như đều sở hữu:

- Lớp học không được tổ chức sắp xếp gọn gàng. Đồ đạc ở khắp mọi nơi.
- Bài học thiếu hấp dẫn và không tạo hứng thú.
- Giáo viên là người nói nhiều nhất, và học sinh thì chỉ lắng nghe một chút.
- Nếu có thì cũng chỉ là một chút ít dấu hiệu về việc thiết lập các thủ tục hay thói quen.
- Có một loạt các lời răn bảo của giáo viên cho những học sinh cư xử không đúng đắn.
- Giáo viên thường bị động.
- Các mục tiêu mơ hồ và thường khó hiểu
- Giáo viên ít di chuyển quanh phòng. Giáo viên thường ở phía trước của căn phòng. Thử dự đoán nơi mà các vấn đề về hành vi có thể xảy ra nhiều nhất xem nào! Cứ chỗ nào xa nhất tính từ vị trí của giáo viên.
- Có sự lạm dụng các hoạt động với các loại phiếu bài tập.
- Hậu quả của các hành vi phạm lỗi là không nhất quán. Mức độ nghiêm trọng của hình phạt thường tỉ lệ thuận với mức độ lo âu của giáo viên.
- Giáo viên thể hiện sự bức dọc một cách công

khai.

- Bài học thường rập khuôn, kiểu “một kích thước cho tất cả”. Thật không may, hầu hết đều không mặc vừa.
- Công nghệ thường được sử dụng vì “lợi ích của việc sử dụng công nghệ”, trái ngược với việc sử dụng để nâng cao bài học.
- Có rất ít những củng cố tích cực.
- Giáo viên thiếu lòng nhiệt thành.

Còn bây giờ là tin tốt

Chúng tôi có thể tiếp tục liệt kê, nhưng chúng tôi nghĩ rằng chúng tôi đã đưa ra được quan điểm của mình. Bây giờ là phần cho các tin tốt.

Đây là những gì chúng tôi thấy trong lớp học của những giáo viên hiệu quả nhất:

- Lớp học được bố trí có tổ chức. Có chỗ cho mọi thứ và mọi thứ ở đúng chỗ của nó.
- Các bài học lôi cuốn và đầy thú vị.
- Học sinh là người thực hiện phần lớn việc nói, việc làm, được thúc đẩy bởi câu hỏi và sự dẫn dắt của giáo viên.
- Các thói quen và các thủ tục thể hiện rõ. Học sinh biết chính xác những gì được kỳ vọng

ở các em.

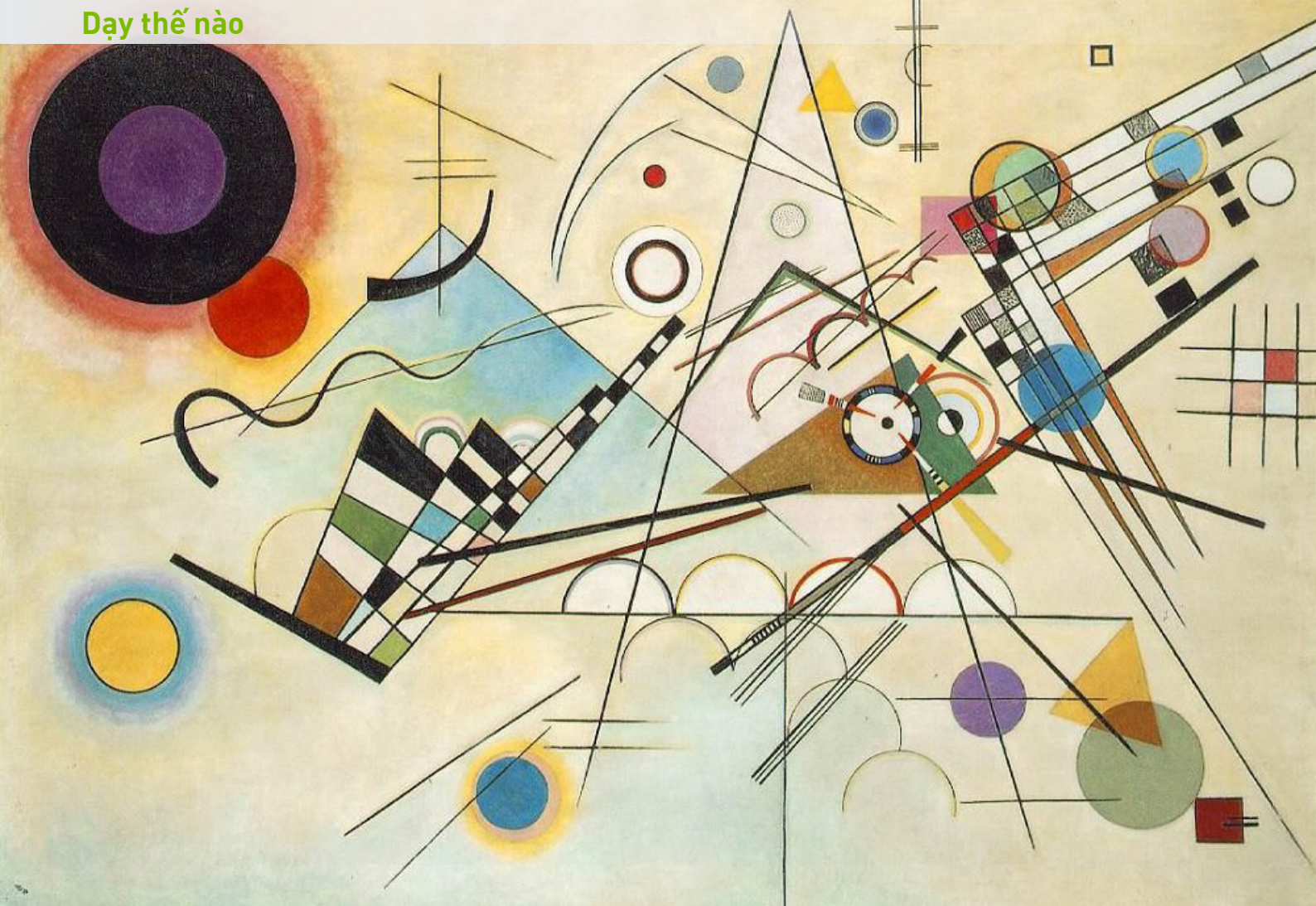
- Không có lời cảnh báo từ giáo viên cho học sinh cư xử sai. Nếu mà một quy định bị phá vỡ, một cuộc trao đổi sẽ diễn ra. Nếu một thủ tục không được bám sát, giáo viên cung cấp thêm sự luyện tập.
- Giáo viên là người chủ động.
- Mục tiêu bài học rõ ràng và có thể đo đếm được.
- Giáo viên liên tục di chuyển trong lớp học. Những vấn đề về hành vi gần như không tồn tại.
- Có rất ít hoạt động phụ thuộc vào phiếu bài tập. Bài học có tính tương tác cao và học sinh duy trì sự tham gia vào các hoạt động đầy ý nghĩa.
- Hình phạt cho bất kỳ sự vi phạm nào đều nhất quán (và rất hiếm).
- Giáo viên không thể hiện sự bức dọc. Kể cả trong trường hợp học sinh mắc lỗi. Vấn đề được xử lý nghiêm túc nhưng bình tĩnh. Giáo viên luôn xuất hiện trong trạng thái cảm xúc được kiểm soát tốt.
- Các hoạt động học đa dạng nhằm đáp ứng nhu cầu cho tất cả người học.
- Công nghệ được sử dụng một cách cẩn trọng, để nâng cao bài học và việc học.
- Những củng cố tích cực được thực hiện liên tục.
- Giáo viên luôn nhiệt tình và truyền cảm hứng.

Bây giờ bạn có một bản vẽ chi tiết về một lớp học của giáo viên hiệu quả rồi đấy. Hãy thử xem nó có phù hợp với bạn không và sắp xếp việc giảng dạy của bạn đi nàp. Quản lý là chìa khóa của thành công, hãy cứ làm đi và làm một cách tốt nhất bạn có thể. Bởi vì là một giáo viên có tổ chức sẽ hạnh phúc hơn là một người cứ để mọi việc dang dở.

Annette Breaux từng là một giáo viên, một lãnh đạo chương trình học và điều phối viên phát triển chuyên môn tại Louisiana, nơi mà cô phát

triển FIRST, một chương trình giới thiệu giáo viên có tầm ảnh hưởng. Breaux là một diễn giả nổi tiếng về các chủ đề liên quan tới giáo dục, là tác giả của “101 Answers for New Teachers and Their Mentors”, là đồng tác giả một vài cuốn sách với Todd Whitaker, bao gồm “7 điều bí mật giản đơn”, “50 cách để cải thiện hành vi của học sinh” và “Làm cho việc dạy tốt trở thành tuyệt vời”.

Todd Whitaker là một giảng viên tại đại học Bang Indiana về quản trị giáo dục và là một tác giả, diễn giả giáo dục nổi tiếng. Whitaker từng dạy ở cấp trung học cơ sở và trung học phổ thông, từng là hiệu trưởng trường trung học trong tám năm và là điều phối viên trường trung học cấp huyện. Ông có nhiều cuốn sách như: “Thay đổi trường học hàng đầu”, “Những vị hiệu trưởng vĩ đại làm gì khác biệt”, “Những giáo viên tuyệt vời làm điều gì khác biệt” và “Đào tạo 10 phút”.



MỘT SỐ LOẠI BÀI KIỂM TRA TRONG ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP

Tăng Thuỳ¹ *tổng hợp*

Kiểm tra, đánh giá là một phần rất quan trọng trong học tập và nghiên cứu. Đánh giá để biết được học sinh học được những gì, nắm kiến thức đến đâu. Kết quả kiểm tra, đánh giá được sử dụng nhiều mục đích khác nhau, như để đánh giá kết quả học sau môn học hay quá trình học tập, để học sinh có thể tốt nghiệp,.....Lợi ích khác của việc kiểm tra đánh giá là chỉ ra cho sinh viên phương pháp học tập như thế nào. Bài kiểm tra là một trong những hình thức kiểm tra, đánh giá. Hiện nay bài kiểm tra được dùng rất phổ biến để đánh giá kết quả học tập của học sinh. Có nhiều loại bài kiểm tra được dùng trong lớp học. Hiện nay bài kiểm tra có các loại sau đây:

1. Bài kiểm tra trắc nghiệm (Multiple-choice tests)

Đây là loại bài kiểm tra phổ biến nhất. Loại bài này có thể kiểm tra những kiến thức của học sinh đơn giản đến phức tạp. Kiểm tra trắc nghiệm được thiết kế đặc biệt để xác định mức độ sẵn sàng của một học sinh trong việc trả lời một câu hỏi cụ thể. Câu hỏi có thể là một lựa chọn hoặc nhiều lựa chọn. Ưu điểm của loại bài kiểm tra này học sinh sẽ không mất nhiều thời gian để tính toán mà sẽ đưa ra câu trả lời dựa vào đáp án có sẵn; kiến thức có thể bao quát nhiều nội dung và lĩnh vực; dễ dàng cho việc chấm điểm (có thể chấm bằng máy tính). Tuy nhiên, nhược điểm của loại bài kiểm tra này là học sinh sẽ đoán được câu trả lời dù kiến thức về môn học đó rất ít; hơn nữa nếu sinh viên chọn câu trả lời

¹ Dự án NeoEdu

sai sẽ ảnh hưởng đến suy nghĩ sau đó với nội dung tương tự; việc xây dựng một bài trắc nghiệm sẽ mất nhiều thời gian, đặc biệt là để xây dựng được một bài kiểm tra tốt.

2. Loại bài lựa chọn đúng-sai (True – False tests)

Bài kiểm tra đúng-sai được thiết kế đặc biệt để xác định các quyết định của một học sinh về một câu hỏi cụ thể. Đây có lẽ là một trong những cách tốt để đánh giá các kiến thức của một học sinh. Khi thiết kế dạng bài này kỹ thuật thuật ngữ sử dụng trong câu hỏi rất quan trọng. Hầu hết các bài kiểm tra đúng-sai được tính thời gian để sinh viên có thể đưa ra quyết định nhanh chóng. Một số bài kiểm tra đúng-sai cũng bao gồm ‘nhận xét’ hoặc cột ‘giải thích’ trong bảng trả lời. Điều này cho phép các học sinh có thể đưa ra lý do tại sao mình lại đúng hay sai. Ưu điểm của loại bài này là chấm điểm nhanh. Nhưng nó lại có nhược điểm là học sinh nếu không biết câu trả lời thường đoán hoặc chọn hết các câu “đúng”, hoặc chọn hết các câu “sai”.

3. Loại bài nối thông tin (Matching Tests)

Loại bài kiểm tra này cũng là một hình thức quen thuộc để đánh giá học sinh. Bài kiểm tra dạng này được thiết kế và thực hiện nhằm đánh giá sự hiểu biết của học sinh về mối quan hệ giữa các sự kiện và ngày tháng, sự kiện, địa điểm, ... Ưu điểm của loại bài này là dễ dàng thiết kế câu hỏi với các dạng câu hỏi như “ai”, “ở đâu”, “cái gì”, “khi nào”. Dạng bài này cũng dễ dàng để chấm điểm. Nhược điểm của nó là không thích hợp để đánh giá kiến thức sâu của học sinh (phân tích, tổng hợp); học sinh sẽ tốn thời gian để tìm câu hỏi phù hợp nối với nhau nếu thiết kế quá nhiều câu hỏi.

4. Loại bài có câu trả lời dạng ngắn (Short-answer tests)

Những bài kiểm tra dạng này bao gồm các câu hỏi, câu trả lời có thể là vài chữ hoặc 2-3 dòng.

Các câu hỏi được thiết kế để xác định câu trả lời ngắn gọn nhưng toàn diện cho bất kỳ vấn đề hoặc khái niệm cụ thể. Ưu điểm của loại bài này là học sinh viết nhanh và ngắn gọn, giáo viên dễ dàng chấm điểm. Nhưng nhược điểm của nó là học sinh nắm kiến thức không sâu, chỉ nhớ được những từ khóa.

5. Kiểm tra vấn đáp (Oral Exams)

Vấn đáp là một cách tuyệt vời để đánh giá kiến thức của học sinh. Kiểm tra viết có thể không cung cấp cho một cái nhìn sâu sắc gần gũi hơn về kiến thức của học sinh, nhưng nếu khi giáo viên được nghe học sinh nói ra ý tưởng và quan điểm của mình thì kết quả sẽ rõ ràng hơn. Nhược điểm của loại bài kiểm tra này là tốn thời gian, chỉ sử dụng khi số lượng học sinh ít.

6. Kiểm tra tự luận (Essay Tests)

Đây là bài được thiết kế để đánh giá khả năng giải thích khách quan, thu thập và sắp xếp tài liệu, và cuối cùng là đưa ra kết luận. Ưu điểm của loại bài kiểm tra này là học sinh có thể chứng minh kiến thức và khả năng của mình bằng nhiều cách khác nhau, phát triển được kỹ năng viết, đặc biệt khả năng lập luận vấn đề. Tuy nhiên, loại bài này mất nhiều thời gian chấm bài, người chấm bài thường sử dụng các tiêu chí chủ quan để chấm.

Để kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của học sinh hiệu quả, giáo viên cần phải vận dụng đa dạng các hình thức đánh giá. Bài kiểm tra là một trong những cách giúp giáo viên thấy được kết quả học tập của học sinh. Giáo viên có thể sử dụng một bài kiểm tra với nhiều dạng câu hỏi khác nhau dựa vào điều kiện của tình hình mỗi lớp. Dựa vào những ưu nhược điểm của từng loại bài kiểm tra, giáo viên có thể lựa chọn ra những bài kiểm tra phù hợp nhất.



THIẾT KẾ MÔI TRƯỜNG HỌC TẬP E-LEARNING TỪ GÓC NHÌN SƯ PHẠM

Biggs (1999) mô tả nhiệm vụ thiết kế sư phạm tốt như một phần đảm bảo rằng hoàn toàn không có sự mâu thuẫn nào giữa chương trình được giảng dạy, phương pháp giảng dạy được sử dụng, môi trường học tập được lựa chọn và quy trình đánh giá được thực hiện. Để đạt được sự thống nhất hoàn chỉnh này, cần xem xét thật cẩn thận những giả định tạo ra tại mỗi giai đoạn và tương thích với chúng. Vì vậy, chúng ta cần bắt đầu một cách cẩn thận bằng việc định nghĩa các mục tiêu học tập dự kiến, sau đó lựa chọn các hoạt động dạy và học tạo cơ hội để sinh viên đạt được mục tiêu học tập đó, và cuối cùng cần thiết kế các nhiệm vụ đánh giá để xác định xem mục tiêu có thực sự đạt được hay không. Quá

trình này rất dễ để chỉ ra, nhưng rất khó có thể đạt được bằng cách thức thông thường.

Có những truyền thống riêng biệt về các học thuyết giáo dục xuất phát từ các quan điểm khác nhau về quá trình học tập tự nhiên. 3 quan điểm dưới đây của Greeno, Collins & Resnick (1996) tạo ra các giả định khác nhau cơ bản về điều gì thực sự quan trọng đối với hiểu biết về việc học, nhất là thiết kế môi trường học tập. Đó là: Quan điểm duy nghiệm (học tập là hoạt động) nhấn mạnh

- Các thói quen hoạt động có tổ chức
- Mục tiêu và phản hồi rõ ràng
- Lộ trình và thói quen cá nhân – phù hợp với thành tích cá nhân trước đó

Quan điểm nhận thức (học tập là đạt được sự hiểu biết) nhấn mạnh

- Môi trường tương tác để xây dựng sự hiểu biết
- Các hoạt động dạy và học khuyến khích thực nghiệm và khám phá các nguyên tắc tổng quát
- Hỗ trợ cho phản tỉnh

Quan điểm bối cảnh (học tập là thực hành xã hội) nhấn mạnh

- Các môi trường tham gia trong thực hành xã hội của khám phá và học tập
- Hỗ trợ cho sự phát triển của cá nhân người học như khả năng và sự tự tin
- Đối thoại tạo điều kiện cho sự phát triển của các mối quan hệ học tập

SỰ PHẠM TỪ GÓC NHÌN DUY NGHIỆM: THIẾT KẾ HỆ THỐNG GIẢNG DẠY (ISD - Instructional System Design)

Hầu hết thuật ngữ e-learning vẫn được dựa trên triết lý giáo dục là thiết kế giảng dạy truyền thống. Cơ sở trí tuệ cho thiết kế hệ thống giảng dạy (ISD) bao gồm các nguyên tắc được chấp nhận rộng rãi với văn hóa đào tạo mang tính tổ chức. Cơ sở này xuất phát từ thuyết hành vi, những tập trung cụ thể vào phân tích nhiệm vụ. Robert Gagne (1985) thiết lập các nguyên tắc tâm lý về ISD dựa trên và thực sự phát triển từ phương pháp giảng dạy dựa trên phân tích để quy kiến thức và kỹ năng. Nguyên tắc cơ bản là các nhiệm vụ phức tạp được xây dựng từng bước từ các đơn vị kiến thức đơn giản hơn của kiến thức hoặc kỹ năng, cuối cùng kết hợp tất cả để đạt được cấu trúc tổng thể. Gagne cho rằng giảng dạy thành công là dựa vào khối lượng kiến thức mới được thêm vào trong từng giai đoạn. Vì vậy ISD bao gồm các bước cơ bản sau:

- Phân tích các miền hệ thống của đơn vị kiến thức nhỏ
- Sắp xếp các đơn vị kiến thức để cấu trúc tổng thể sẽ không được dạy cho đến khi các đơn vị kiến thức thành phần được sinh viên nắm vững
- Thiết kế phương pháp giảng dạy cho mỗi đơn vị trong chuỗi kiến thức

ISD bao gồm các hướng dẫn và quy trình cho việc phân bổ các nhiệm vụ phức tạp thành các phân cấp đơn vị nhỏ hơn và mô tả chi tiết về thiết kế chương trình giảng dạy dựa trên các cấp độ này. Nền tảng của công việc này là sử dụng các nguyên tắc phân loại các mức độ khác nhau của mục tiêu học tập. Các mức độ về kỹ năng trí tuệ được chia thành: phân biệt, khái niệm, quy luật và quy luật trình tự cao.

SỰ PHẠM TỪ GÓC NHÌN NHẬN THỨC: MÔI TRƯỜNG HỌC TẬP KIẾN TẠO VÀ HỆ THỐNG HOẠT ĐỘNG

Môi trường học tập kiến tạo

Thuyết kiến tạo về kiến thức của Piaget (1970) dựa trên giả thiết người học không sao chép hoặc tiếp thu từ thế giới bên ngoài, nhưng phải được cấu thành những khái niệm đó thông qua thực nghiệm cá nhân chủ động và quan sát. Quan điểm kiến tạo về học tập có thể được tổng hợp bởi các khẳng định sau:

- Người học chủ động xây dựng kiến thức, thông qua đạt được hiểu biết
- Học tập dựa trên những cái đã biết, hoặc những cái có thể làm được
- Học tập là tự điều chỉnh
- Học tập là định hướng mục tiêu
- Học tập là tích lũy

Các hoạt động của hiểu biết kiến tạo có hai khía cạnh chính:

- Tương tác với hệ thống học liệu và khái niệm
- Tương tác với cái người học thảo luận về phát triển hiểu biết và năng lực

Các nguyên tắc thiết kế các hoạt động dạy và học kiến tạo:

- Sở hữu nhiệm vụ
- Huấn luyện và mô hình hóa các kỹ năng tư duy
- Tạo bước đệm gợi ý
- Hướng dẫn khám phá
- Cơ hội phản tỉnh
- Các vấn đề có kết cấu không rõ ràng

Sự tăng cường tập trung vào thiết kế các phương pháp và môi trường lấy học sinh làm trung tâm: nghiên cứu về học tập qua vấn đề, học tập qua dự án, học tập gợi mở cung cấp các nhiệm vụ và môi trường kiến tạo, nhấn mạnh và phản tỉnh và phản hồi. Áp dụng phương pháp lấy người học làm trung tâm thực sự sẽ tập trung vào mỗi học sinh như từng trường hợp cá nhân. Đây luôn luôn là mục tiêu cuối cùng của công nghệ giáo dục: thành tựu của giáo dục cá nhân. Điều này ngụ ý rằng các hoạt động dạy và học nên được thiết kế để phù hợp với từng cá nhân người học.

Hệ thống hành vi

Một hướng tư duy mới về sự phạm mới xuất hiện trong thập kỷ trước là thuyết hành vi. Các nhà nghiên cứu bắt đầu xác định cách thuyết hành vi có thể đã vào thiết kế môi trường học tập. Thuyết hành vi không chỉ tập trung vào cá nhân người học, mà tập trung vào hệ thống hành vi, nhiều đơn vị xã hội phân tích hơn. Hệ thống hành vi bao gồm nhóm với kích cỡ bất kỳ, theo đuổi mục tiêu cụ thể với cách thức có mục đích. Các hệ thống hành vi này có thể được phân tích thành các thành phần bởi Engestrom

(1993). Các kết nối cơ bản giữa sự tham gia cá nhân và hệ thống hành vi là mục đích; mối quan hệ này không trực tiếp, nhưng qua trung gian là các công cụ. Người tham gia thường là một phần của cộng đồng. mỗi quan hệ có trung gian là quy tắc cho các tương tác được chấp nhận. Hệ thống hành vi phát triển liên tục, luôn luôn thay đổi thông qua hành động của người tham gia, mục đích và công cụ. Công cụ có thể là cả vật chất (mạng lưới, sách, phần mềm) và nhận thức (khái niệm, ngôn ngữ, trí nhớ). Để minh họa cho các thành phần của lĩnh vực giảng dạy, khung sự phạm là công cụ giúp các nhà giáo dục hướng tiếp cận thiết kế giảng dạy, từ đó hình thành mối tương quan của tư duy (và không tư duy) về việc học. Một hành vi, là các công cụ được sử dụng cho một mục đích trong hệ thống hành vi. Vì vậy, sử dụng một công cụ thiết kế sự phạm tạo ra một khóa học e-learning sẽ tạo thành một hoạt động trong hệ thống hoạt động dạy và học. Các hành động có thể phân hóa thành các hoạt động tự động. Trong trường hợp dạy, ví dụ, có những bước phát triển thực hiện thông qua quy trình khung được lên kế hoạch trước (hành động) và bước thực hiện phản hồi tới sinh viên (hoạt động). Tuy nhiên, 3 mức độ này (hành vi, hành động, hoạt động) là liên tục thay đổi, như hệ thống hành vi phát triển thành một cộng đồng thực hành.

Thuyết hành vi là khóa cạnh then chốt của thiết kế e-learning: mục tiêu học tập, các hoạt động dạy và học, đánh giá.

SỰ PHẠM TỪ GÓC NHÌN BỐI CẢNH: CÁC CỘNG ĐỒNG THỰC HÀNH

Có 3 mức độ về học tập dựa trên bối cảnh. Mức độ đầu tiên là quan điểm văn hóa hay nhân học-xã hội, được giới thiệu bởi Lave và Wenger,

nhấn mạnh điều cần thiết trong quá trình học là tham gia vào một cộng đồng lớn hơn. Tầm quan trọng của cộng đồng thực hành là thông qua việc tham gia vào một vài hoạt động, một nhóm người sẽ đến chia sẻ và phát triển các phần thực hành.

Mức độ thứ 2 là nhóm học tập. Hầu hết việc học tập đều có kết nối với một bối cảnh xã hội – lớp học, nhóm gia sư, nhóm thảo luận, hoặc thậm chí nhóm theo năm. Người học thường có ý thức mạnh mẽ xác định với các nhóm như vậy, và có nhu cầu tham gia như một thành viên chính thức. Các nhóm như vậy có thể có các đặc điểm của một cộng đồng thực hành nhưng ở đây thực hành là tự học chính nó, trong thiết lập giáo dục và đào tạo cụ thể. Hay đúng hơn nó là thực tiễn giáo dục, có thể hoặc không thể tập trung vào học tập.

Mức độ thứ 3 là các mối quan hệ cá nhân. Hầu hết việc học tập được thúc đẩy bởi 2 mức độ trên là trung gian qua các mối quan hệ giữa các thành viên của các cộng đồng hoặc các nhóm. Việc phân loại xã hội của các cá nhân này sẽ khác nhau theo bối cảnh và tính chất của các cuộc đối thoại cụ thể. Đôi khi thành viên của một nhóm sẽ nổi bật nhất, trong tình huống khác tính cách cá nhân của họ sẽ lại quan trọng hơn. Các mối quan hệ như vậy sẽ khác nhau theo từng tính cách của nhóm tham gia, bối cảnh họ thực hiện, và sức mạnh của các mối quan hệ (Fowler&Mayes, 2000).



CÁC FRAMEWORKS GIÁO DỤC

KỲ 3: KHUNG NESET VỀ GIÁO DỤC XÃ HỘI VÀ CẢM XÚC

Đức Hoàng

Phát triển bởi: Mạng lưới chuyên gia về các khía cạnh xã hội của Giáo dục và Đào tạo (Network of Experts on Social Aspects of Education and Training - NESET) thuộc Ủy ban Châu Âu (EC) là một mạng lưới tư vấn của các chuyên gia thuộc Liên minh Châu Âu (EU), dựa trên kinh nghiệm tại từng quốc gia thành viên cụ thể để cung cấp các hỗ trợ về khoa học, khuyến nghị đến Ủy ban Châu Âu về các vấn đề liên quan đến công bằng xã hội, giáo dục và đào tạo.

Mục đích: Khung của NESET về Giáo dục Xã hội và Cảm xúc (Social and Emotional Education - SEE) là một trong các nỗ lực của Ủy ban Châu Âu trong việc thúc đẩy SEE như yếu tố cốt lõi cho hệ thống giáo dục châu Âu nói chung.

Khung EU NESET về SEM bao gồm 4 nhóm chính: Self-awareness (nhận thức bản thân), Self-management (quản trị bản thân), Social awareness (Nhận thức xã hội), và Social management (quản trị xã hội).

Độ tuổi: Từ mầm non tới thanh niên

Áp dụng: Các trường học tại 28 quốc gia thành viên EU

BỐI CẢNH:

- Cung cấp các khuyến nghị chung để tạo ra một cách tiếp cận toàn diện và đáp ứng văn hóa cho SEE bao gồm tôn trọng sự khác biệt cá nhân; kết hợp tiếng nói của học sinh và phụ huynh; và điều chỉnh các năng lực, sự can thiệp

và phương thức đánh giá của SEE cho các bối cảnh, văn hóa khác nhau.

- Cảnh báo về việc sử dụng SEE để thúc đẩy việc đồng hoá các nền văn hoá, nhóm xã hội, thúc đẩy các ưu tiên cục bộ về kinh tế.
- Đề xuất áp dụng SEE với những nỗ lực song hành khác để lồng vào các cấu trúc thượng tầng, hệ thống xã hội các sự hỗ trợ về sức khoẻ tâm thần, cơ hội bình đẳng (equality) và công bằng (equity) xã hội.
- Bao gồm danh sách các thuật ngữ phổ biến được sử dụng để đề cập đến SEE ở mỗi quốc gia thành viên EU, cung cấp các nghiên cứu điển hình (case study) về cách SEE đã được tích hợp vào chương trình giảng dạy của các quốc gia thành viên EU như thế nào.
- Ghi nhận vai trò quan trọng của môi trường lớp học/trường học tích cực, năng lực về cảm xúc xã hội của giáo viên, việc đào tạo giáo viên, đào tạo và lôi cuốn phụ huynh tham gia.

QUAN ĐIỂM PHÁT TRIỂN:

- Đề xuất một cách tiếp cận SEE, bao gồm cả việc sử dụng các đánh giá phù hợp về tiến trình phát triển SEE.
- Không cung cấp một tiến trình học tập cụ thể nào

KẾT QUẢ LIÊN QUAN:

- Tổng hợp các phát hiện từ các nghiên cứu

(study) và phân tích tổng hợp (meta-analysis) về SEE và các kết quả tích cực về hành vi, sức khoẻ tâm thần, học thuật và cuộc sống qua các lứa tuổi và bối cảnh kinh tế, xã hội, văn hoá.

- Lưu ý về tầm quan trọng đặc biệt của SEE như một yếu tố để bảo vệ trẻ em có nguy cơ, bao gồm trẻ em dân tộc thiểu số, văn hoá thiểu số, nghèo đói, hoặc có khó khăn về sức khoẻ xã hội, cảm xúc hoặc tinh thần.



Kỳ trước: Khung ACT tổng quát về Giáo dục và Năng lực sẵn sàng lao động

Hoang, A. D., Phu, V. A. D., Thuy, T. N., Chi, N. L., Nguyen, Q. N., Ninh, N. T., ... & Tuan, U. M. (2020). Chuyên San Dạy Và Học-Số 19-Khám Phá.



Học tập hợp tác như thế nào để trở thành một giáo viên tốt hơn

¹Dan Garrison² | Ngọc Lan dịch

Hãy bắt đầu nhận thức rằng những gì chúng ta vốn đã hiểu quả thực đúng: trẻ em ngày nay khác so với chúng ta khi còn trẻ. Bạn nghe điều này từ các đồng nghiệp và, nếu bạn giống tôi,

1 Tựa gốc: How Cooperative Learning Made Me A Better Teacher, [TEACH](#)

2 Dan Garrison là một cựu giáo viên với 15 năm kinh nghiệm, hiện đang giảng dạy lớp 5 ở Raymore, Missouri. Ông cũng giảng dạy phương pháp nghiên cứu xã hội và sử dụng phương pháp học tập hợp tác cho trường đại học University of Central Missouri. Ông có kinh nghiệm thuyết trình, giảng dạy và sử dụng các phương pháp học tập hợp tác khác nhau.

thường xuyên nghe từ chính miệng của mình. Thực tế, chúng là như vậy. Trẻ em hiện nay đang lớn lên trong một thế giới mà chỉ một vài thế hệ trước sẽ nghĩ là khoa học viễn tưởng. Sự bùng nổ của công nghệ, dù tốt lên hay tệ đi, đã làm thay đổi xã hội, và những tương tác xã hội của con người bây giờ khác rất nhiều so với cách đây chỉ một thập kỉ. Thế giới ngày nay là một trong những sự hài lòng tức thời. Chúng ta không suy ngẫm, chúng ta 'Google'. Chúng ta không gian tiếp, chúng ta nhấn tin. Và chúng ta thậm chí mất đi tuyệt đối sự kì diệu của một buổi sáng thứ bảy cho phim hoạt hình vì nó luôn có sẵn 24/7. Vì vậy, khi các nhà giáo dục chúng ta



cảm thấy thất vọng vì một đứa trẻ không phản ứng theo cách ta mong đợi, đôi khi vì khung tham chiếu của chúng ta khác rất nhiều so với trẻ. Mặc dù vậy, chúng ta phải chuẩn bị cho học sinh một thế giới mà sẽ tiếp tục biến đổi, nhưng chắc chắn sẽ vẫn đòi hỏi các kỹ năng từ bao đời nay như giao tiếp, cộng tác và làm việc nhóm. Bài viết này đề cập đến học tập hợp tác có thể làm thay đổi phương pháp giảng dạy của bạn.

Vài năm trước, người quản lý của tôi đã thông báo rằng anh ấy đang gửi tôi đến một hội nghị về học tập hợp tác. Tôi đã rất hào hứng vì có một vài ngày có thể đi ăn và kết giao với mọi người, nhưng tiếc rằng tôi đã coi thường ‘công việc nhóm’. Nhiều người trong chúng tôi đã có kinh nghiệm làm việc nhóm và cử một người làm tất cả việc trong khi những người còn lại trò chuyện vui vẻ và tung ra một vào câu khẩu hiệu tích cực. Hoặc có thể bạn đã ở trong một nhóm

mà vai trò của mỗi người được phân công rõ ràng hơn, nhưng tỉ trọng công việc không được chia đều. Ví dụ, trong khi bạn làm tất cả công việc nghiên cứu và phác thảo, người khác lại là ‘người chăm công’. Nó có vẻ không công bằng, và thực sự không. Học tập hợp tác, như tôi đã sớm phát hiện, KHÔNG phải là làm việc nhóm.

Học tập hợp tác hiệu quả dựa trên một vài cơ sở đơn giản. Tiến sĩ Spencer Kagan có nhiều nghiên cứu để khẳng định niềm tin của ông ấy vào học tập hợp tác đúng đắn, nó phải bao gồm những nguyên tắc sau: sự phụ thuộc lẫn nhau một cách tích cực (positive interdependence), trách nhiệm cá nhân (individual accountability), sự tham gia bình đẳng (individual accountability), sự tương tác đồng thời (simultaneous interaction). Chúng tôi thích từ viết tắt từ các chữ cái đầu, vì vậy sẽ gọi những yếu tố này là PIES. Tôi sẽ giải thích ngắn gọn.

Sự phụ thuộc tích cực lẫn nhau có nghĩa là thành công của tôi cũng đòi hỏi thành công của bạn. Thường chúng ta rơi vào bẫy của sự phụ thuộc tiêu cực vào nhau, trong đó thành công của một người được tạo nên từ thất bại của người khác, hoặc thành quả ở mức tối thiểu. Nhưng học tập theo nhóm là một kĩ năng sống, và với suy nghĩ đó, chúng ta tạo cơ hội cho học sinh học cách làm việc như một đội. Trách nhiệm cá nhân loại bỏ được học sinh ẩn sau công việc của những người khác. Đồng thời, đóng góp của các thành viên về bản chất phải như nhau. Các vai trò có thể biến đổi từ một chiến lược này sang chiến lược tiếp theo, song không thể có thành viên nào trượt dốc trong khi số còn lại đảm đương phần lớn công việc. Cuối cùng, phải có sự tương tác đồng thời diễn ra. Học sinh làm việc với nhau vào mọi lúc. Đôi khi điều này là sự lắng nghe tích cực, nhưng vì mỗi chiến lược đều chứa các nhiệm vụ rõ ràng, nên điều này phải được phân biệt với việc lắng nghe thụ động mà chúng ta thấy thường xuyên diễn ra, thậm chí trong cả lớp dạy tốt nhất của mình.

Khi các chiến lược triết lý này được dùng, chúng tôi cũng có được lợi ích thực sự khác biệt trong dạy học. Là giáo viên, chúng tôi luôn nói rằng chúng tôi cần tìm cách dạy học phân hóa để đáp ứng nhu cầu của tất cả học sinh ở các cấp độ khác nhau. Điều này thực sự khó khi chỉ có một trong số chúng tôi và 25-30 học sinh. Làm thế nào để chúng ta tiếp cận với mọi học sinh với mức độ hiểu biết của chúng? Và chúng ta làm thế nào để có thể đồng thời thách thức chúng ở mức độ tư duy cao hơn? Tiến sĩ Paula Kluth khẳng định, “Khi một giáo viên sử dụng phương pháp học tập hợp tác và giao nhiệm vụ cho học sinh thì sẽ thách thức chúng ở quy mô cá nhân, chúng đang học phân hóa”.

Vì vậy, chính xác điều này diễn ra trong một lớp học như thế nào? Tôi không thể bắt đầu liệt kê danh sách tất cả các phương pháp, và quả thực, tôi không khuyên bạn sử dụng quá nhiều phương pháp. Tôi sẽ mô tả ngắn gọn một

cặp ví dụ mà tôi thường xuyên sử dụng có thể giải thích những nguyên tắc đã mô tả. Trước hết, mặc dù bạn có thể xếp nhóm sao cho phù hợp với bất kể lớp học nào, tôi luôn cho học sinh ngồi nhóm bốn người. Chúng không nhận ra điều này, song năng lực các học sinh trong nhóm không đồng đều (khá, trung bình khá, trung bình yếu và yếu) sao cho bạn khá cặp với bạn trung bình yếu và bạn trung bình khá cặp với bạn yếu. Không phải lúc nào cũng dựa vào cách chia nhóm không đồng đều, nhưng một vài tình huống hiệu quả hơn khi dùng cách này. Nếu đang dạy một phương pháp với một chiến lược rõ ràng, tôi sẽ sử dụng cái mà tiến sĩ Kagan gọi là ‘Rally-Coach’. Định nghĩa một cách đơn giản, phương pháp này yêu cầu một học sinh dạy cho học sinh còn lại một quá trình, trong khi học sinh thứ hai đồng thời là ‘gia sư’ cho học sinh đầu tiên. Lời phản biện được đặt ra và học sinh đầu tiên bắt đầu giải thích từng bước cách giải, đặc biệt sử dụng từ ngữ một cách chính xác. Người ‘gia sư’ cần theo dõi linh hoạt, điều chỉnh khi cần thiết, và hỗ trợ người đầu tiên hoàn thành. Sau đó, hai vai trò được đổi ngược lại. Chúng ta đều biết việc học diễn ra hiệu quả nhất khi dạy lại cho người khác. Các lĩnh vực như toán học, ngữ pháp, hệ thống khoa học khá phù hợp với cách tiếp cận này.

Trong những tình huống mà tôi đang xem xét lại một quan niệm, hoặc đang có những câu hỏi nguyên nhân và kết quả ở mức độ cao hơn, tôi sẽ dùng phương pháp được gọi là ‘Round-Robin’. Cách tiếp cận này dùng cả bốn học sinh trong một nhóm. Mỗi lượt, một học sinh bắt đầu cuộc thảo luận với một khoảng thời gian nhất định. Các học sinh còn lại tích cực lắng nghe và đặt câu hỏi mở nếu học sinh im lặng. Khi hết thời gian, học sinh khác tiếp tục. Họ có thể bổ sung thêm thông tin, hoặc làm rõ các ý kiến trước đó. Tất cả không được phép trả lời đơn giản như “tôi đồng ý” hoặc “đó là điều mà tôi đã định nói”. Nếu điều này xảy ra, những người còn lại phải thúc giục họ giải thích tại sao lại thấy vậy. Khi tất cả đều có một lượt, bạn có thể đặt câu hỏi

cho cả lớp để đảm bảo độ hiểu bằng cách gọi ngẫu nhiên một vài học sinh để trả lời hoặc để các nhóm chia sẻ lời giải cuối cùng. Điều này khác với cách tiếp cận truyền thống “tôi đưa ra câu hỏi và gọi một học sinh trả lời” như thế nào? Đơn giản, trong mô-típ truyền thống, bạn đưa ra một câu hỏi, và mong đợi tất cả học sinh suy nghĩ về nó, và rồi gọi một học sinh đáp lại. Bạn có thể chắc chắn rằng ít nhất một học sinh đang tích cực tham gia. Ngược lại, sử dụng phương pháp học tập hợp tác, bạn đảm bảo được rằng tất cả các học sinh đều suy nghĩ tích cực về câu hỏi, ngay cả khi bạn gọi một ai đó hướng dẫn cuộc thảo luận trong lớp. Và hãy xem xét điều này, bất cứ học sinh nào bạn gọi đều có được sự an toàn khi trả lời được dựa trên việc lắng nghe trong nhóm mình. Không còn sợ tham gia vì một học sinh không tự tin vào câu trả lời. Phương pháp này thực sự gây dựng được sự tự tin cho trẻ.

Điều này khiến tôi quay trở lại điểm đề cập ban đầu rằng học sinh ngày nay rất khác so với chúng tôi ngày trước. Trong thời đại mà mọi người giao tiếp qua email và tin nhắn văn bản, trẻ em thường không có khả năng giao tiếp bằng lời nói, tương tác bằng mắt, nhận dạng giọng nói và ngôn ngữ cơ thể. Chúng tôi, khi trưởng thành, thường nghĩ, ‘chúng làm được tốt hơn thế’ khi một học sinh đảo mắt hoặc nhìn xuống đất khi nói chuyện với bạn, nhưng sự thật là đôi khi chúng không thực sự như bạn nghĩ. Trẻ em ngày nay luôn luôn không có bộ kỹ năng mà dường như tất cả nên có một cách bản năng. Việc sử dụng học tập hợp tác hợp lý bổ sung kỹ năng còn thiếu này. Và như một hệ quả, chúng ta thấy nó giúp cho quản lý lớp học tốt hơn. Học sinh ít mất tập trung hơn vì chúng chú tâm vào những điều chúng quan tâm trong suốt cả ngày. Những học sinh khao khát sự chú ý, sẽ nhận được sự chú ý. Những học sinh muốn làm chủ, hình như chúng kiểm soát tốt hơn việc học, và những học sinh đơn giản không biết cách giao thiệp xã hội, cũng học cách cư xử trong đời sống xã hội.

Tôi đã rời khóa đào tạo và báo cáo lại với nhà trường một triết lý khác. Ngay ngày hôm sau tôi trở thành một giáo viên khác, lớp học của tôi đã trở thành một môi trường học tập khác và tôi đã tăng hiệu quả dạy học của mình. Tôi nhận thấy rằng việc sử dụng phương pháp này không mất thêm thời gian vì nó không thay thế bất kỳ nội dung nào; nó chỉ là một phương pháp để dạy chương trình của bạn. Và sau khi sử dụng thành thạo cách tiếp cận ấy, tôi thấy nó phù hợp một cách hoàn hảo với bất kì điều gì tôi đang dạy. Thực tế, tôi không biết rằng tôi có thể dạy mà không sử dụng nó. Nó khiến tôi trở thành một nhà giáo dục. Tôi tiếp tục nâng cao các kỹ năng học tập hợp tác của mình và rất vui khi tìm thấy các học trò của mình trong số những người đạt thành tích cao nhất sau mỗi năm. Tôi cũng hài lòng khi nhận thấy mình có ít vấn đề về hành vi. Đây có phải là câu trả lời cho mọi vấn đề trong một lớp học? Thậm chí không kết thúc. Không có giải pháp duy nhất cho tất cả những khó khăn chúng ta gặp phải trong giáo dục. Và luôn có những trường hợp ngoại lệ vì trẻ em là những cá thể và có những nhu cầu riêng biệt. Những phương pháp này giúp tăng cường đáng kể việc học của trẻ, tạo nên một lớp học an toàn và hiệu quả, tiếp cận học sinh ở nhiều cấp độ khác nhau, và cuối cùng, nó đã khiến tôi trở thành một giáo viên tốt hơn.

Tài liệu tham khảo:

Kagan, S. (2009). Học tập hợp tác Kagan. San Clemente, CA: Nhà xuất bản Kagan.

Kagan, S. (2004). Kỹ thuật Win-Win. San Clemente, CA: Nhà xuất bản Kagan.

Paula Kluth. (ví dụ). Truy cập ngày 19 tháng 1 năm 2015, từ www.paulakluth.com/readings/differentiating-instruction/differentiating-instruction/

ĐỂ TRỞ THÀNH MỘT NHÀ LÃNH ĐẠO CÓ TƯ DUY ĐỔI MỚI

Trần Hương¹ *tổng hợp*

Cơ quan quản lý đòi hỏi các trường học phải đổi mới. Trường yêu cầu giáo viên phải đổi mới. Giáo viên yêu cầu học sinh đổi mới.

Để không bị đi lạc trong vòng luẩn quẩn đó, hãy cùng tìm hiểu những gì các nhà lãnh đạo cần làm để nuôi dưỡng một nền văn hóa của sự sáng tạo và tư duy phê phán. Dưới đây là một số ghi chép từ hội nghị T + L ở Phoenix vào ngày 20 tháng 10 năm 2016, nơi các nhà lãnh đạo giáo dục đã thảo luận về việc phát hiện và thực thi vai trò lãnh đạo của mình như thế nào.

Trong một phiên thảo luận về việc đổi mới nhân tố lãnh đạo, Cheryl Lemke, Chủ tịch

và Giám đốc điều hành của công ty tư vấn công nghệ giáo dục Metiri Group, chia sẻ bảy bước để trở thành một nhà lãnh đạo đổi mới.

1. **Nắm lấy thách thức**

Nhà lãnh đạo đổi mới không chối bỏ nhiệm vụ sáng tạo và đổi mới; họ dẫn dắt nó. Và các nhà lãnh đạo đổi mới nuôi dưỡng một nền văn hóa của tư duy phê phán và sáng tạo giúp vượt qua những thách thức.

Bằng cách này, yếu tố sáng tạo đứng đầu danh sách những phẩm chất lãnh đạo quan trọng nhất cần thiết trong vòng năm năm tới, theo một cuộc thăm dò của IBM năm 2010 đối với 1.500 CEO.

Tại khu công nghệ cao thuộc vùng San Di-

¹ Dự án NeoEdu

ego, các nhà lãnh đạo đã đưa ra một thách thức sáng tạo rằng họ cần phải thay đổi lớp cho học sinh từ lớp này sang lớp khác trong suốt cả ngày. Họ nói ý này với các nhân viên và yêu cầu họ đưa ra một giải pháp sáng tạo. Kết quả là, các giáo viên tạo ra một lịch trình mới. Trong buổi sáng, một giáo viên dạy ngôn ngữ và xã hội học. Và vào buổi chiều, một giáo viên khác dạy môn toán và khoa học.

2. Kiểm soát sự thay đổi bằng sáng tạo và kiến thức tập thể

Nhà lãnh đạo đổi mới thể hiện được tính sáng tạo và luôn đi tìm kiếm kiến thức. Khi họ kiểm soát được sự thay đổi, họ sẽ vừa chấp nhận vừa có ý chỉ trích công nghệ kỹ thuật số – và cách mà trẻ em sử dụng công nghệ ấy.

3. Định hình văn hóa tổ chức

Nhà lãnh đạo đổi mới tạo ra được văn hóa chấp nhận rủi ro, thay đổi, và tư duy phê phán, sáng tạo. Họ nghĩ cho bản thân, và họ không chỉ một mực làm theo quy tắc một cách mù quáng. Họ dịch chuyển từ quy định sang các nguyên tắc. Họ cởi mở áp dụng những ý tưởng khác nhau vào trường mình và không ngại phá vỡ quy tắc đã có trước đó khi những nguyên tắc ấy không còn có ý nghĩa.

Họ hỏi những câu hỏi khó và mong đợi những chuyên gia giáo dục của họ vật lộn với những câu hỏi ấy. Và họ thực sự lắng nghe những gì các nhà giáo dục nói.

“Là một nhà lãnh đạo, nếu bạn đang ở trong một cuộc họp, bạn nên nói ít nhất so với bất cứ ai khác trong cuộc họp đó,” Lemke nói.

Một số năm trước đây, một hiệu trưởng mới

ở Illinois gặp gỡ các nhân viên của mình và cho biết họ đã có một năm để biến đổi ngôi trường của mình. Nếu họ không làm việc, Ban Giáo Dục Tiểu Bang Illinois sẽ đóng cửa ngôi trường đó.

Hiệu trưởng ngôi trường này không thay đổi bất kỳ một nhân viên trong trường khi ông tiếp nhận công việc. Thay vào đó, ông đã hỏi ý kiến nhân viên của mình rằng làm thế nào để đáp ứng các thách thức. Ông cho biết họ cần phải phá vỡ một số quy tắc và ông muốn biết những gì họ thực sự muốn làm.

“Đến cuối năm, họ đã có một kế hoạch sẵn sàng, và năm sau họ đã thoát khỏi “án treo” đóng cửa trường,” Lemke nói. “Điều đó thực sự đáng kinh ngạc.”

4. Thiết lập một hệ thống học tập chuyên nghiệp

Nhà lãnh đạo đổi mới tạo ra các cộng đồng học tập chuyên nghiệp trong các ngôi trường của họ. Theo Báo cáo về hiện trạng phát triển giáo viên ở Hoa Kỳ và ở các nước khác, học tập chuyên nghiệp hiệu quả là:

- ổn định qua thời gian
- học tập dựa trên nội dung
- có các cộng đồng học tập chuyên nghiệp
- tập trung vào các nhiệm vụ cụ thể trong giảng dạy, đánh giá, quan sát và suy ngẫm
- mô hình hóa các tình huống thực tiễn

5. Quyết định và hệ thống hóa

Nhà lãnh đạo đổi mới vạch ra một kế hoạch khái quát gồm các nguyên tắc, đường lối phát triển chuyên nghiệp, các chiến lược, phương pháp và nguồn lực. Sau đó, họ sẽ

trao lại nhiệm vụ cho các nhân viên để tự đưa ra các yếu tố chi tiết.

6. Đảm bảo việc tiếp cận dữ liệu qua Internet được thông suốt và cơ sở hạ tầng đầy đủ

Nhà lãnh đạo đổi mới sẽ xây dựng năng lực cho giáo viên và học sinh thông qua các blog, wiki và các môi trường ảo bằng cách tạo dựng một nền tảng cơ sở hạ tầng vững chắc.

“Nếu không có điều đó, bạn sẽ không thể dàn xếp rất nhiều công việc mà các nhân viên đang làm,” Lemke nói.

7. Yêu cầu trách nhiệm giải trình

Nhà lãnh đạo đổi mới trao trách nhiệm cho người khác nhưng lại yêu cầu trách nhiệm giải trình. Ban đầu, họ đặt ra các yêu cầu còn thấp để nhân viên cảm thấy dễ chịu hơn với những rủi ro, thất bại và sẽ học hỏi thông qua kinh nghiệm.

Lemke nói, “Những người mà bạn có trong hệ thống của bạn ngay lúc này đều có khả năng tạo ra sự đổi mới như những gì chúng ta muốn. Tuy nhiên, nhiều người trong số họ không có cơ hội để làm điều đó.”

Tóm lại, bà khẳng định nhà lãnh đạo có tư duy đổi mới cần phải tạo cho nhân viên của mình cơ hội đó.



Quý Thầy, Cô thân mến,

Dịch COVID-19 đang là một trong những vấn đề mang tính toàn cầu, tạo ra bầu không khí lo ngại ở nhiều nơi và trong nhiều lĩnh vực của đời sống. Nó không chỉ gây ra tổn thất về mặt sức khỏe thể chất mà còn ẩn chứa những tác động không nhỏ đến tinh thần mỗi cá nhân.

Nhằm giảm thiểu các nguy cơ tác động tâm lý có thể xảy đến, Trung tâm Nghiên cứu và Phát triển Giáo dục EdLab Asia đã triển khai chương trình hỗ trợ đặc biệt trong và sau mùa dịch. Cụ thể, chúng tôi triển khai hai hoạt động:

- (1) Biên soạn tài liệu “Sổ tay Nâng cao sức khỏe tinh thần trong mùa dịch” nhằm giúp cho quý thầy cô giáo, quý vị phụ huynh và các bạn học sinh có thể bổ sung thêm các kiến thức thường thức về tâm lý học. Ấn phẩm này không chỉ giúp cho bản thân người đọc nâng cao hiểu biết và cải thiện sức khỏe tinh thần, mà mỗi người chúng ta cũng đều có thể dựa vào nó để giúp người khác cải thiện sức khỏe tinh thần, nâng cao hiệu suất làm việc và học tập.
- (2) Quy tụ nhóm tình nguyện viên là các chuyên gia tâm lý, sẵn sàng hỗ trợ tâm lý cho những người có nhu cầu tại cả ba miền Bắc, Trung, Nam.

Hiện tại, cả sổ tay và danh sách các chuyên gia tình nguyện đều có thể được truy cập tại địa chỉ: <http://edlabasia.org/covid19>

Bên cạnh đó, “Sổ tay Nâng cao sức khỏe tinh thần trong mùa dịch” cũng sẽ được Microsoft Việt Nam hỗ trợ, chuyển tới hơn 22,000 giáo viên trong Cộng đồng giáo viên sáng tạo MIE Việt Nam, cũng như toàn bộ các trường phổ thông đã và đang nhận được sự tài trợ về công nghệ của Microsoft trên khắp cả nước (Hoang et al., 2020).

EdLab hi vọng rằng đây là một ấn phẩm có ích cho cộng đồng, và rất mong nhận được sự ủng hộ của quý Anh, Chị để có thể lan toả được ấn phẩm này.

Xin trân trọng cảm ơn và chúc Anh/Chị cuối tuần tốt lành.

Đội ngũ EdLab Asia

Ghi chú: Sổ tay được phát hành theo giấy phép Creative Commons CC BY-NC-ND (Ghi công - Phi thương mại - Không phái sinh) phiên bản 4.0

Bất kỳ ai cũng có thể sao chép, phân phối, trưng bày và trình diễn nhưng phải đúng nguyên văn, nguyên bản tác phẩm, với mục đích phi thương mại, và không được phép có tác phẩm phái sinh từ sổ tay này.

Khi sử dụng, xin vui lòng trích dẫn:

Chuẩn APA:

Hoang, A. D., Nguyen, Q. N., Chi, N. L., Dao, Q. A., Doan, P. T. T., Dinh, T. T., ... & Tran, D. H. (2020). Sổ tay Nâng cao sức khỏe tinh thần trong mùa dịch.

Chuẩn Chicago:

Hoang, Anh-Duc, Quang Ngoc Nguyen, Nguyen Linh Chi, Quynh Anh Dao, Phuong Thuc Thi Doan, Thu Thi Dinh, Hang Thu Ta, Le Anh Quach, and Duc Hoa Tran. “Sổ tay Nâng cao sức khỏe tinh thần trong mùa dịch.” (2020).

Chuẩn Harvard:

Hoang, A.D., Nguyen, Q.N., Chi, N.L., Dao, Q.A., Doan, P.T.T., Dinh, T.T., Ta, H.T., Quach, L.A. and Tran, D.H., 2020. Sổ tay Nâng cao sức khỏe tinh thần trong mùa dịch.

Ban Biên tập Lộn xộn

Hoàng Anh Đức

Đặng Thanh Giang

Lê Thanh Hằng

Dương Phú Việt Anh | EdLab Asia

Nguyễn Linh Chi | My Baby

Nguyễn Ngọc Diệp | Hogwarts

Phùng Thị Ngọc Lan | Gateway Hải Phòng

Tăng Thị Thuỳ | Dự án Neo Edu

Trần Thị Thu Hương | Dự án Neo Edu

Hoàng Giang Quỳnh Anh | Agilearn

Nguyễn Lê Kim Ngân | THPT Yên Hoà

Logo | Hà Dũng Hiệp

Chế bản | Quách Anh, Đỗ Anh Sơn

Liên hệ: bientap@day-hoc.org



CONSORTIUM for
NEW EDUCATION

Đầu tư & Lộn xộn

“Học để Dạy, và Dạy để Học